



## LỜI MỞ ĐẦU

Thế giới đang ngày càng phát triển, đòi hỏi mỗi quốc gia, mỗi đất nước cũng không ngừng đổi mới. Để phù hợp với xu thế ấy, nền kinh tế tài chính của quốc gia phải tiếp tục đổi mới một cách toàn diện, hệ thống pháp luật tài chính phải phù hợp và ổn định. Với tư cách là một trong những công cụ quản lý nền kinh tế tài chính quốc gia, hạch toán kế toán chiếm giữ một vai trò quan trọng trong quản lý điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế. Đó là một lĩnh vực gắn liền với hoạt động kinh tế tài chính, đảm nhận hệ thống tổ chức thông tin, làm căn cứ để ra các quyết định kinh tế. Chính vì thế nó quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Vì vậy kế toán có vai trò hết sức quan trọng trong hệ thống quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Từ những yêu cầu cơ bản đó, sau khi được học xong phần lý thuyết về chuyên ngành kế toán, lãnh đạo nhà trường đã cho sinh viên thâm nhập thực tế nhằm củng cố vận dụng những lý luận đã học được vào thực tế quản lý, vừa nâng cao năng lực chuyên môn, vừa làm chủ được công việc sau này khi tốt nghiệp ra trường về công tác tại cơ quan, xí nghiệp có thể nhanh chóng hoà nhập và đảm đương các nhiệm vụ được phân công.

Niên học 2007-2011 chuyên ngành Kế toán Kiểm Toán sắp kết thúc. Chúng em những học sinh của Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng sắp bước vào kỳ thi tốt nghiệp và tương lai sẽ vận dụng những kiến thức của mình vào công tác thực tế. Đó là những kiến thức lý luận đã được Thầy, Cô tận tâm truyền dạy trong suốt quá trình học tập của chương trình đào tạo cũng như trong suốt quá trình em thực tập.

Được sự phân công của Ban giám hiệu nhà trường cùng với sự hướng dẫn của các Thầy, Cô bộ môn, đặc biệt là Tiến sĩ Nghiêm Thị Thà, sự giúp đỡ tận tình của các cô chú trong công ty đã tạo điều kiện cho em tiếp cận thực tế về khoá luận : ***Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải An Huy.***

Do thời gian thực tập có hạn và trình độ nghiệp vụ của bản thân nên trong quá trình tìm hiểu, phân tích, đánh giá không thể tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong được sự giúp đỡ, tham gia đóng góp ý kiến của các thầy cô để khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khoá luận gồm 3 chương chính :

Chương I : Tổng quan lý luận về kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương II : Thực trạng kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại dịch vụ và vận tải An Huy.

Chương III : Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại dịch vụ và vận tải An Huy.

# CHƯƠNG I

## **TỔNG QUAN LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ**

### **1.1. Các khái niệm cơ bản**

#### **1.1.1. Tiêu thụ sản phẩm và thực hiện lao vụ dịch vụ**

Tiêu thụ hàng hoá và cung cấp dịch vụ là quá trình các doanh nghiệp thực hiện chuyển hoá vốn sản xuất kinh doanh của mình từ hình thái hàng hoá sang hình thái tiền tệ và hình thành kết quả tiêu thụ. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo một định nghĩa khác thì tiêu thụ hàng hoá, lao vụ dịch vụ là việc chuyển quyền sở hữu sản phẩm đã thực hiện cho khách hàng đồng thời thu được tiền hàng hoặc được quyền thu tiền hàng hoá.

Như vậy tiêu thụ là thực hiện mục đích của sản xuất và tiêu dùng. Đưa hàng hoá từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Tiêu thụ là khâu lưu thông hàng hoá là cầu nối giữa một bên sản xuất phân phối và một bên là tiêu dùng. Đặc biệt trong nền kinh tế thị trường tiêu thụ được hiểu theo nghĩa rộng hơn : Tiêu thụ là quá trình kinh tế bao gồm nhiều khâu, từ việc nghiên cứu thị trường, xác định nhu cầu khách hàng, tổ chức mua bán hàng hoá và xuất bán theo yêu cầu của khách hàng nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.

Tiêu thụ hàng hoá có vai trò lớn trong việc cân đối cung cầu, thông qua việc tiêu thụ có thể dự đoán nhu cầu của xã hội nói chung và của từng khu vực nói riêng, là điều kiện để phát triển cân đối trong từng ngành, từng vùng và trên toàn xã hội. Qua tiêu thụ thì giá trị và giá trị sử dụng của hàng hoá mới được thể hiện.

Tiêu thụ hàng hoá là cơ sở hình thành nên doanh thu và lợi nhuận, tạo ra thu nhập để bù đắp chi phí bỏ ra, bảo tồn và phát triển vốn kinh doanh thông qua phương thức tiêu thụ.

### *1.1.2. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

\_Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được phát sinh từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm gia tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu.

\_Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải theo nguyên tắc phù hợp. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan tới việc tạo ra doanh thu đó.

\_Điều kiện ghi nhận doanh thu : Chỉ ghi nhận doanh thu bán sản phẩm hàng hoá khi thoả mãn đồng thời (5) điều kiện sau :

+Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;

+Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá cũng như sở hữu, kiểm soát hàng hoá;

+Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

+Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ việc giao dịch bán hàng;

+Xác định được chi phí liên quan đến việc giao dịch bán hàng;

\_Doanh thu phải được theo dõi riêng biệt theo từng loại doanh thu : Doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia... Trong từng loại doanh thu lại được chi tiết theo từng khoản doanh thu nhằm phục vụ cho việc xác định đầy đủ, chính xác kết quả kinh doanh theo yêu

cầu quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh và lập báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

\_Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận theo trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn đồng thời (4) điều kiện sau :

- +Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- +Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- +Xác định được công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- +Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

\_Khi bán hàng hoá hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hoá dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu và không được ghi nhận là doanh thu.

\_Nếu trong kỳ kế toán phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ,như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì phải được hạch toán riêng biệt. Các khoản giảm trừ doanh thu được tính trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của kỳ kế toán.

### *1.1.3. Chi phí*

Chi phí sản xuất kinh doanh là những chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất tiêu thụ sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ và những hoạt động điều hành quản lý doanh nghiệp.

Chi phí sản xuất kinh doanh bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

\*)Giá vốn hàng bán : Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm,hàng hoá,dịch vụ,lao vụ đã thực sự tiêu thụ trong kỳ, ý nghĩa của giá vốn hàng bán chỉ được sử dụng khi xuất kho hàng bán và tiêu thụ.Khi hàng hoá đã được tiêu thụ và được phép xác định doanh thu thì đồng thời giá trị hàng xuất kho cũng được phản ánh theo giá vốn hàng bán để xác định kết quả.

\*)Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

+Chi phí nhân viên bán hàng,nhân viên quản lý : Bao gồm toàn bộ lương chính,lương phụ,các khoản phụ cấp có tính chất lương.Các khoản trích BHXH,BHYT,KPCĐ của ban giám đốc,nhân viên quản lý,nhân viên bán hàng trong doanh nghiệp.

+Chi phí vật liệu : Bao gồm chi phí vật liệu có liên quan đến bán hàng như vật liệu bao gói,vật liệu dùng cho sửa chữa quây hàng,những vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý như : giấy,mực,bút...

+Chi phí công cụ,đồ dùng : Phản ánh giá trị dụng cụ,đồ dùng phục vụ cho bán hàng và cho công tác quản lý.

+Chi phí khấu hao TSCĐ :Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng và bộ phận quản lý doanh nghiệp như : Xe chở hàng,nhà cửa làm việc của các phòng ban,máy móc,thiết bị.

+Chi phí dự phòng : Phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi tính vào chi phí quản lý kinh doanh của doanh nghiệp.

+Chi phí dịch vụ mua ngoài : Phản ánh các chi phí về dịch vụ mua ngoài như : Tiền thuê kho bãi,cửa hàng,tiền vận chuyển bốc xếp hàng tiêu thụ,tiền điện,tiền nước,tiền điện thoại...

+Chi phí bằng tiền khác : Là chi phí phát sinh khác như : Chi phí tiếp khách,chi phí hội nghị khách hàng,công tác phí.

### 1.1.4. Kết quả kinh doanh

Là kết quả của hoạt động tiêu thụ sản phẩm hàng hoá, dịch vụ và được biểu hiện qua chỉ tiêu lãi ( hoặc lỗ ) về tiêu thụ, kết quả đó được tính như sau :

$$\text{Lãi hoặc lỗ về tiêu thụ} = \text{Lợi nhuận gộp về tiêu thụ} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

Trong đó :

$$\text{Lợi nhuận gộp về tiêu thụ} = \text{Doanh thu thuần về tiêu thụ} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

$$\text{Doanh thu thuần về tiêu thụ} = \text{Tổng doanh thu tiêu thụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

$$\text{Kết quả hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu HĐTC} - \text{Chi phí HĐTC}$$

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác} - \text{Chi phí Thuế TNDN}$$

## 1.2. Kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

### 1.2.1. Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng

#### 1.2.1.1. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu

Phản ánh chính xác kịp thời doanh thu bán hàng để xác định kết quả, đảm bảo thu đủ và kịp thời tiền bán hàng để tránh bị chiếm dụng vốn.

Phản ánh và giám đốc tình hình thực hiện các chỉ tiêu về tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ như mức bán ra, doanh thu bán hàng và quan trọng là lãi thuần của bán hàng.

Phản ánh kịp thời đầy đủ, chi tiết sự biến động của hàng hoá ở tất cả các trạng thái : hàng đi đường, hàng trong kho, trong quầy, hàng gia công chế biến, hàng gửi đại lý nhằm đảm bảo an toàn cho hàng hoá.

Phản ánh và giám đốc kịp thời tình hình thực hiện kết quả tiêu thụ, cung cấp số liệu, lập quyết toán đầy đủ, kịp thời để đánh giá đúng hiệu quả tiêu thụ cũng như thực hiện nghĩa vụ với nhà nước.

Tổ chức hệ thống chứng từ ban đầu và trình tự luân chuyển chứng từ hợp lý. Các chứng từ ban đầu phải đầy đủ hợp pháp, luân chuyển khoa học, hợp lý, tránh trùng lặp, bỏ sót.

#### 1.2.1.2. Chứng từ sử dụng :

Hoá đơn GTGT

Hoá đơn bán hàng thông thường

Bảng kê bán hàng

Hợp đồng kinh tế kèm theo các cam kết

Phiếu thu

Phiếu xuất kho

Giấy báo có

#### 1.2.1.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511 " Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ " :

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau :

Bán hàng : Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán hàng hoá mua vào.

Cung cấp dịch vụ : Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như : cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức thuê hoạt động...



Tài khoản 511 có 5 tài khoản cấp 2 :

+Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hoá : Phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hoá được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.

+Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm : Phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (Thành phẩm,bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.

+Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ : Phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành,đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.

+Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp,trợ giá : Dùng để phản ánh các khoản doanh thu từ trợ cấp,trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp sản phẩm,hàng hoá và dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước.

+Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư : Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và doanh thu bán,thanh lý bất động sản đầu tư.

+Tài khoản 512 " Doanh thu bán hàng nội bộ " Dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm,hàng hoá,dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp.

+Tài khoản 521 " Chiết khấu thương mại " Dùng để phản ánh các khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ,hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (Sản phẩm,hàng hoá),dịch vụ với khối lượng lớn và theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.(Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua,bán hàng)

+Tài khoản 531 " Hàng bán bị trả lại " Dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân : Vi phạm cam kết,vi phạm hợp đồng kinh tế,hàng bị kém,mất phẩm chất,không đúng chủng loại,quy cách.

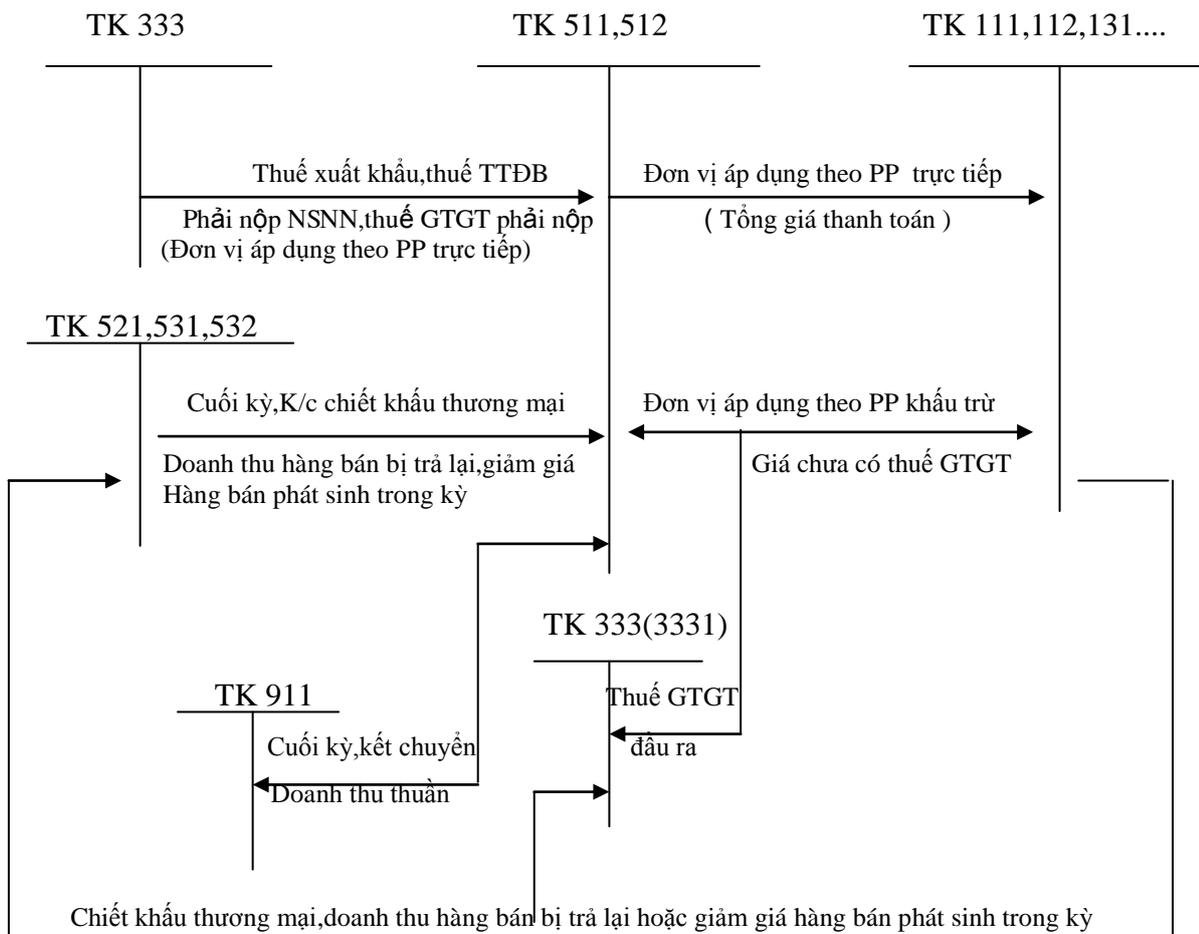
+Tài khoản 532 " Giảm giá hàng bán " Dùng để phản ánh khoản giảm giá thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.Giảm giá hàng bán là

khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

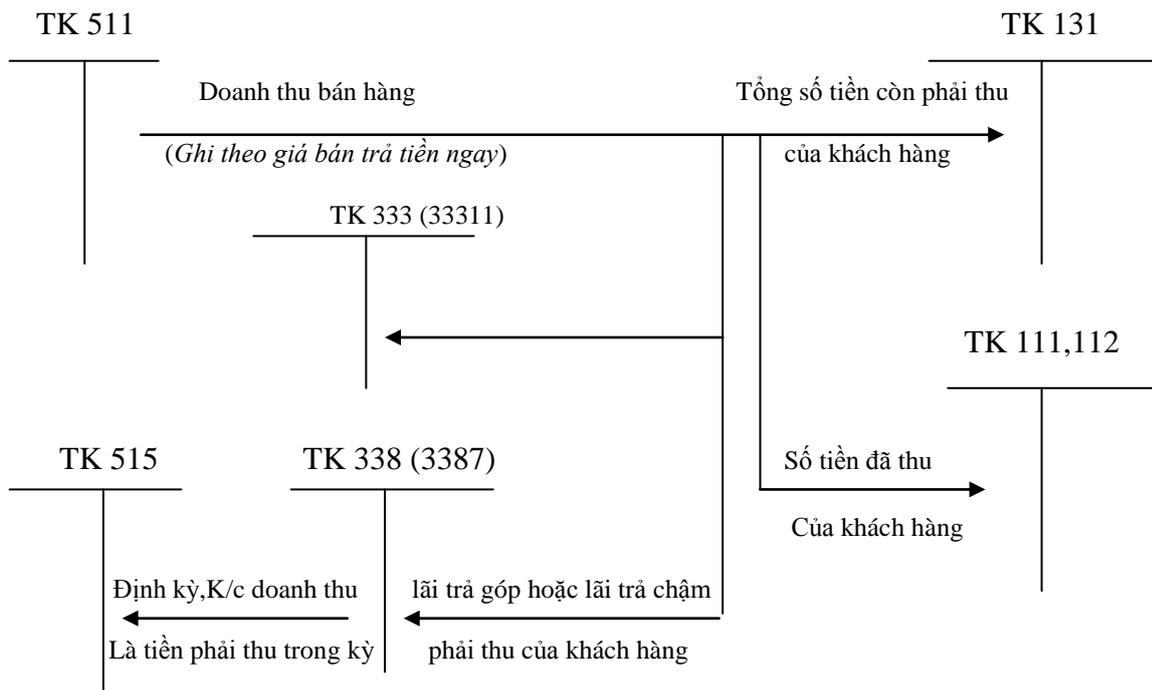
Ngoài những tài khoản này kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan như : TK 111,112,131,3331...

1.2.1.4. Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu

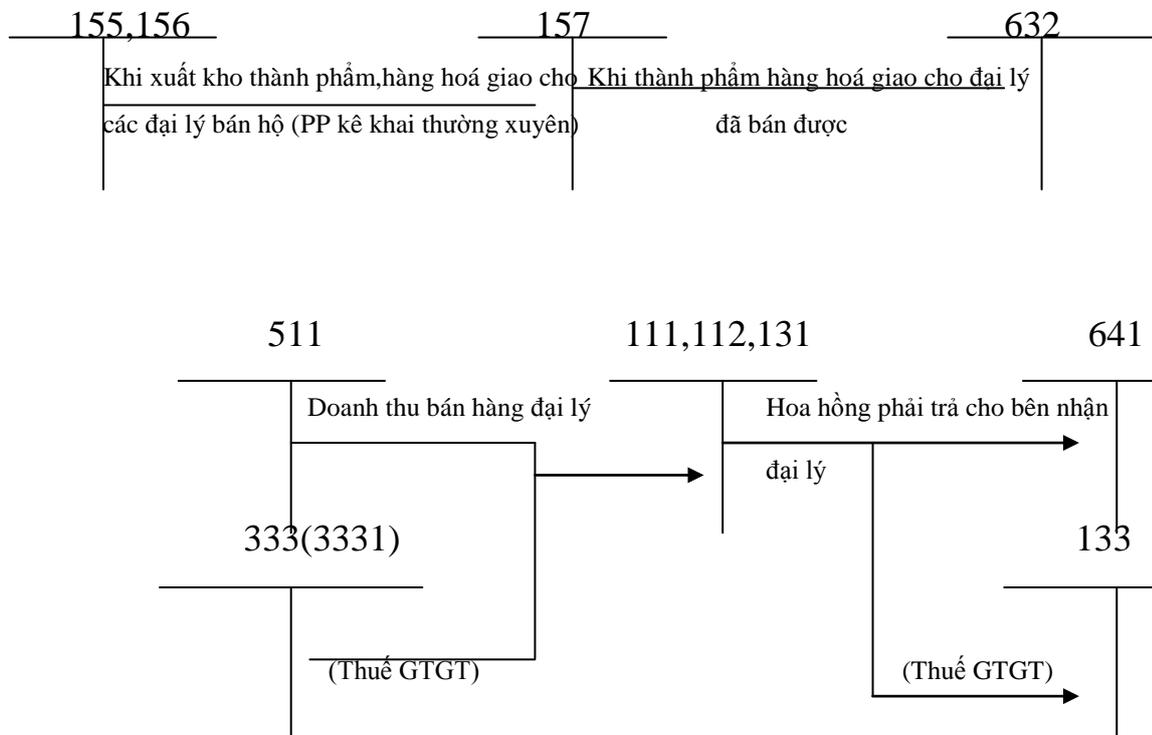
\*) Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



\*) Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm ( hoặc trả góp )



\*) Kế toán bán hàng thông qua đại lý ( theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng )



1.2.1.5.Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.5.1.Chiết khấu thương mại

Tài khoản 521 - " Chiết khấu thương mại " dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (Sản phẩm,hàng hoá),dịch vụ với khối lượng lớn và theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.(Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua,bán hàng).

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 521 - "Chiết khấu thương mại "

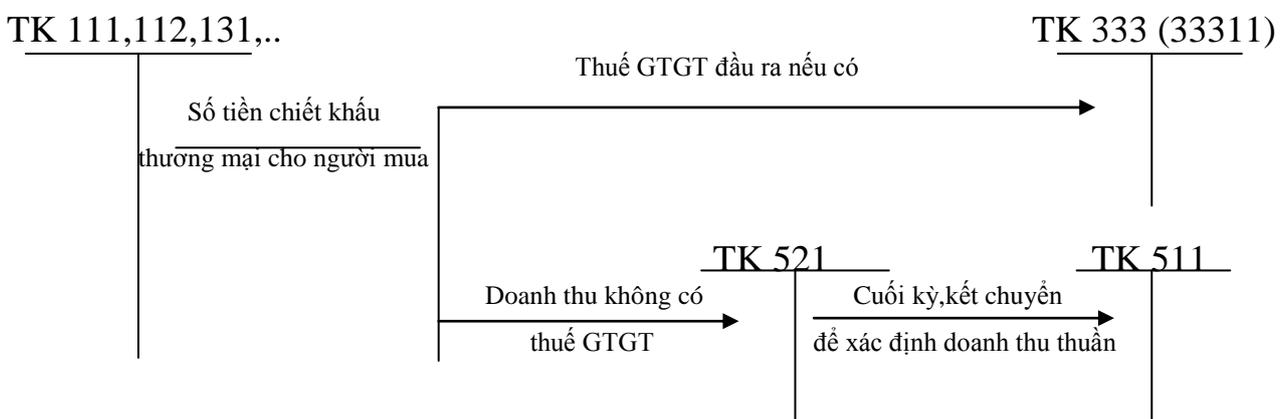
Bên Nợ :

+ Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng

Bên Có :

+ Cuối kỳ kế toán,kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ " để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.



**Sơ đồ hạch toán chiết khấu thương mại**

1.2.1.5.2.Hàng bán bị trả lại

Tài khoản 531 - " Hàng bán bị trả lại " Dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm,hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân : Vi phạm cam kết,vi phạm hợp đồng kinh tế,hàng bị kém,mất phẩm chất,không đúng chủng loại,quy cách.Giá trị của hàng bán bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng

thu thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm hàng hoá đã bán ra trong kỳ báo cáo.

Tài khoản này chỉ phản ánh giá trị của số hàng đã bán bị trả lại ( Tính theo đúng đơn giá ghi trên hoá đơn ).Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc làm hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào tài khoản 641 "Chi phí bán hàng".Hàng bán bị trả lại phải nhập kho thành phẩm,hàng hoá và xử lý theo chính sách tài chính,thuế hiện hành.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 531- " Hàng bán bị trả lại "

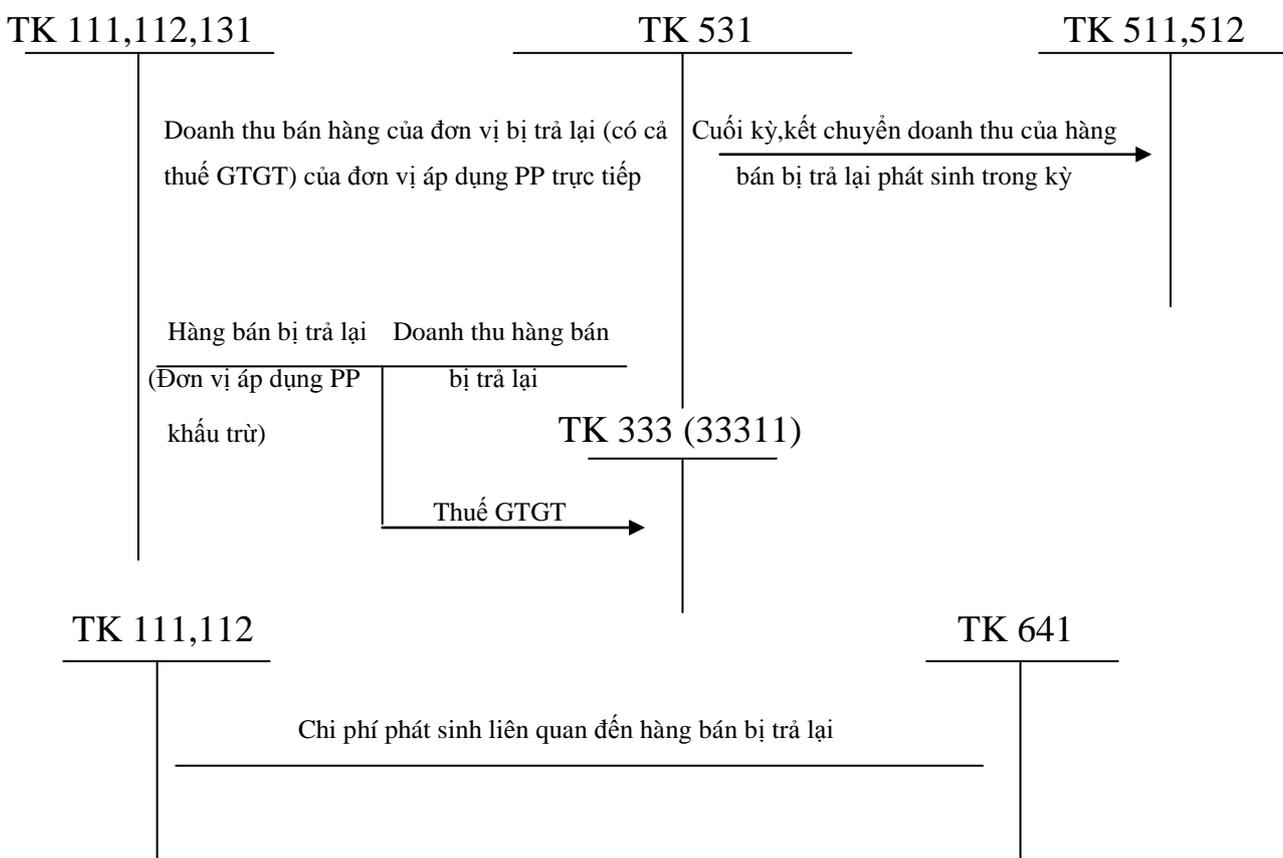
Bên Nợ :

Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào các khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hoá đã bán.

Bên Có :

Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ tài khoản 511 - " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ " để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.



Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại

1.2.1.5.3. Giảm giá hàng bán

Tài khoản 532 - " Giảm giá hàng bán " dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau sau khi đã bán hàng và phát hành hoá đơn ( Giảm giá ngoài hoá đơn ) do hàng bán kém, mất phẩm chất...

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 532 - Giảm giá hàng bán

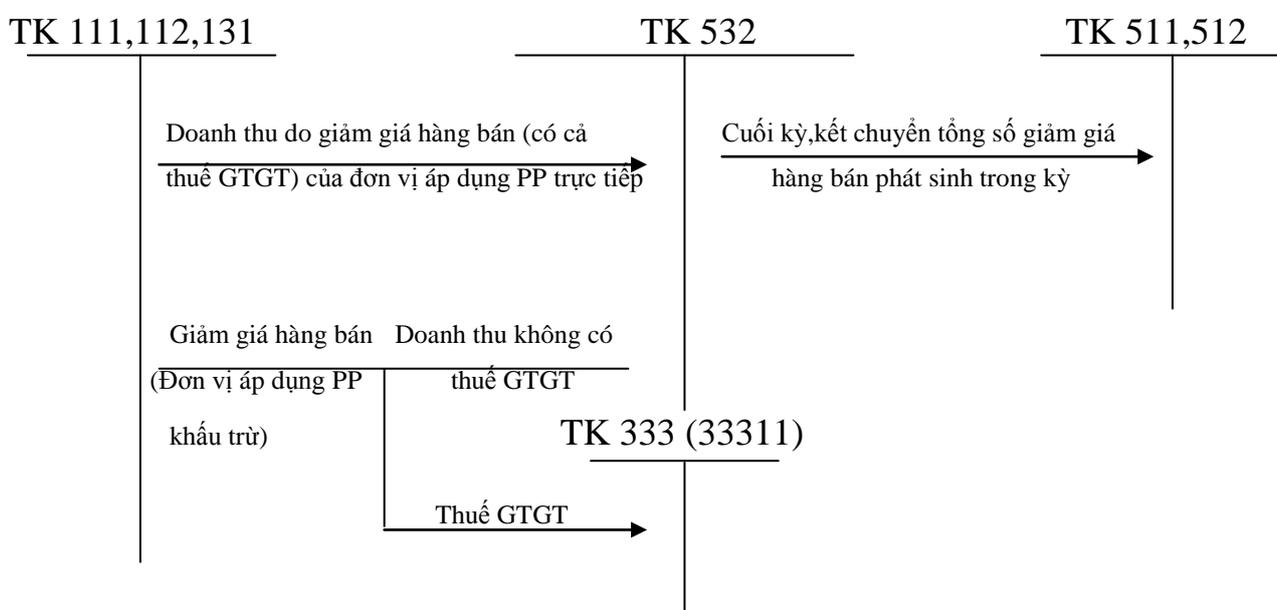
Bên Nợ :

Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên Có :

Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ " hoặc tài khoản 512 " Doanh thu bán hàng nội bộ ".

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.



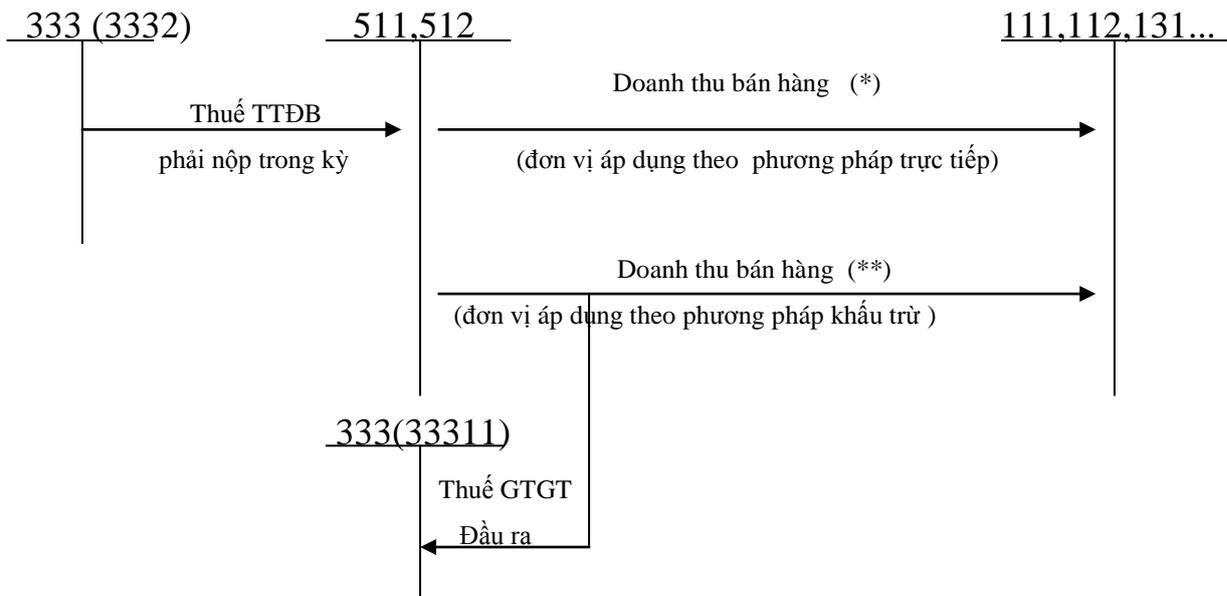
Sơ đồ hạch toán kế toán giảm giá hàng bán

1.2.1.5.4. Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt

Thuế tiêu thụ đặc biệt là một loại thuế gián thu đánh vào những mặt hàng xa xỉ hoặc những mặt hàng không được nhà nước khuyến khích sử dụng.

Tài khoản 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt : Phản ánh số thuế TTĐB phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Kế toán thuế TTĐB đối với hàng sản xuất trong nước



Chú ý :

(\*) : Doanh thu có cả thuế TTĐB và thuế GTGT

(\*\*) : Doanh thu có cả thuế TTĐB và không có thuế GTGT

$$\text{Số thuế TTĐB phải nộp} = \text{Giá tính thuế TTĐB} * \text{Thuế suất thuế TTĐB}$$

Đối với hàng hoá sản xuất trong nước : Giá tính thuế TTĐB là giá do doanh nghiệp sản xuất bán ra chưa có thuế TTĐB và chưa có thuế GTGT được xác định cụ thể như sau :

$$\text{Giá tính thuế TTĐB} = \frac{\text{Giá bán chưa có thuế GTGT}}{1 + \text{Thuế suất thuế TTĐB}}$$

### 1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

#### 1.2.2.1. Nhiệm vụ của kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán dùng để phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ; bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của doanh nghiệp xây lắp (Đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ý nghĩa của giá vốn hàng bán chỉ được sử dụng khi xuất kho hàng bán và tiêu thụ. Khi hàng hoá đã tiêu thụ và được phép xác định doanh thu thì đồng thời giá trị hàng xuất kho cũng được phản ánh theo giá vốn hàng bán để xác định kết quả. Do vậy xác định đúng giá vốn hàng bán có ý nghĩa quan trọng vì từ đó doanh nghiệp xác định đúng kết quả kinh doanh. Và đối với các doanh nghiệp thương mại thì còn giúp các nhà quản lý đánh giá được khâu mua hàng có đạt hiệu quả hay không để từ đó tiết kiệm chi phí thu mua.

#### 1.2.2.2. Phương pháp xác định giá vốn hàng bán

Doanh nghiệp có thể sử dụng các phương pháp sau để xác định giá vốn hàng bán

\* *Phương pháp đơn giá bình quân:*

Theo phương pháp này, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

Giá thực tế của hàng xuất kho được tính theo công thức :

$$\text{Giá thực tế hàng xuất kho} = \text{Số l- ợng hàng hoá xuất kho} * \text{Giá đơn vị bình quân}$$

Khi sử dụng giá đơn vị bình quân có thể sử dụng dưới 3 dạng :

\_Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ : Giá này được xác định sau khi kết thúc kỳ hạch toán nên có thể ảnh hưởng đến công tác quyết toán.

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực từ hàng tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}{\text{Số l- ợng hàng thực từ tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}$$



\_Giá đơn vị bình quân của kỳ trước : Trị giá thực tế của hàng xuất dùng kỳ này sẽ tính theo giá đơn vị bình quân cuối kỳ trước. Phương pháp này đơn giản, dễ làm, đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán, mặc dù độ chính xác chưa cao vì chưa tính đến sự biến động giá cả của kỳ này.

$$\text{Giá bình quân của kỳ tr- ớc} = \frac{\text{Trị giá tồn kỳ tr- ớc}}{\text{Số l- ợng tồn kỳ tr- ớc}}$$

\_Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập : Phương pháp này vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán vừa phản ánh được tình hình biến động của giá cả. Tuy nhiên khối lượng tính toán lớn vì sau mỗi lần nhập kho kế toán lại phải tính toán lại giá.

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng tồn sau lần nhập } i}$$

*\* Phương pháp nhập trước – xuất trước*

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước và giá hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này giá trị của hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

*\* Phương pháp nhập sau – xuất trước:*

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất sau thì được xuất trước và giá hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này giá trị của hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho sau hoặc gần sau cùng, giá của

hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

*\* Phương pháp giá thực từ đích danh:*

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng thứ hàng hoá mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

#### 1.2.2.3. Chứng từ sử dụng

Chứng từ sử dụng để hạch toán giá vốn hàng bán bao gồm :

Phiếu xuất kho

Phiếu xuất kho

Hoá đơn GTGT

.....

#### 1.2.2.4. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 156 - " Hàng hoá " Dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các loại hàng hoá của doanh nghiệp bao gồm hàng hoá tại các kho hàng, quầy hàng, hàng hoá bất động sản.

Tài khoản 156 còn được chi tiết thành :

Tài khoản 1561 - Giá mua hàng hoá

Tài khoản 1562 - Chi phí thu mua hàng hoá

Tài khoản 632 - " Giá vốn hàng bán " Dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của doanh nghiệp xây lắp (Đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

**Doanh nghiệp có thể áp dụng một trong hai phương pháp kế toán hàng tồn kho :**

*\*) Theo phương pháp kê khai thường xuyên*

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh thường xuyên, liên tục, có hệ thống tình hình nhập, xuất, tồn vật tư, hàng hoá trên sổ kế toán.

Trong trường hợp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên, các tài khoản kế toán hàng tồn kho được dùng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng, giảm của vật tư, hàng hoá. Vì vậy, giá trị của hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế hàng tồn kho, so sánh, đối chiếu với số liệu hàng tồn kho trên sổ kế toán. Về nguyên tắc số tồn kho thực tế phải luôn phù hợp với số tồn kho trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải truy tìm nguyên nhân và có giải pháp xử lý kịp thời.

Phương pháp kê khai thường xuyên thường áp dụng cho các đơn vị sản xuất ( công nghiệp, xây lắp ..) và các thương nghiệp kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị, hàng có kỹ thuật, chất lượng cao...

*\*) Theo phương pháp kiểm kê định kỳ*

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của vật tư, hàng hoá trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng hoá, vật tư đã xuất trong kỳ theo công thức :

$$\begin{array}{r} \text{Trị giá hàng} \\ \text{xuất kho} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Trị giá hàng} \\ \text{tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Tổng giá trị} \\ \text{hàng nhập trong} \\ \text{kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Trị giá hàng tồn} \\ \text{kho cuối kỳ} \end{array}$$

Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, mọi biến động của vật tư, hàng hoá ( Nhập kho, xuất kho ) không theo dõi, phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Giá trị của vật tư, hàng hoá mua và nhập kho trong kỳ, được theo dõi, phản ánh trên một tài khoản kế toán riêng ( Tài khoản 611 - Mua hàng ).

Công tác kiểm kê vật tư, hàng hoá được tiến hành cuối mỗi kỳ kế toán để xác định giá trị hàng hoá, vật tư tồn kho thực tế, trị giá vật tư hàng hoá xuất kho trong kỳ ( Tiêu dùng cho sản xuất hoặc bán ) làm căn cứ để ghi sổ kế toán cho tài khoản 611 " Mua hàng " .

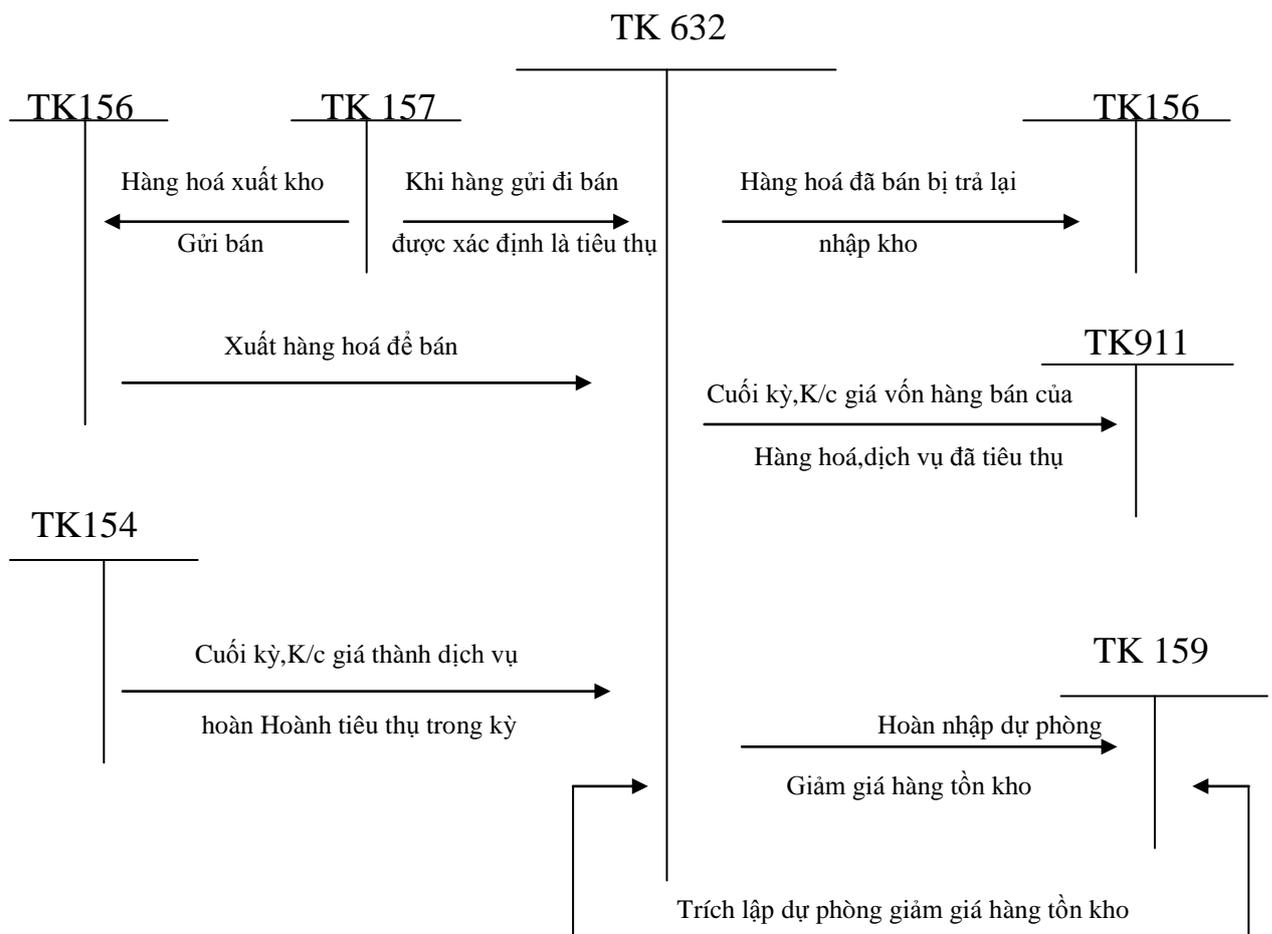
Như vậy, khi áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, các tài khoản kế toán hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán (để kết chuyển số dư đầu kỳ) và cuối kỳ kế toán (Để phản ánh giá trị thực tế hàng tồn kho cuối kỳ).

Phương pháp kiểm kê định kỳ thường được áp dụng ở các đơn vị có nhiều chủng loại hàng hoá, vật tư với quy cách, mẫu mã rất khác nhau, giá trị thấp, hàng hoá, vật tư xuất dùng hoặc xuất bán thường xuyên ( cửa hàng bán lẻ ...).

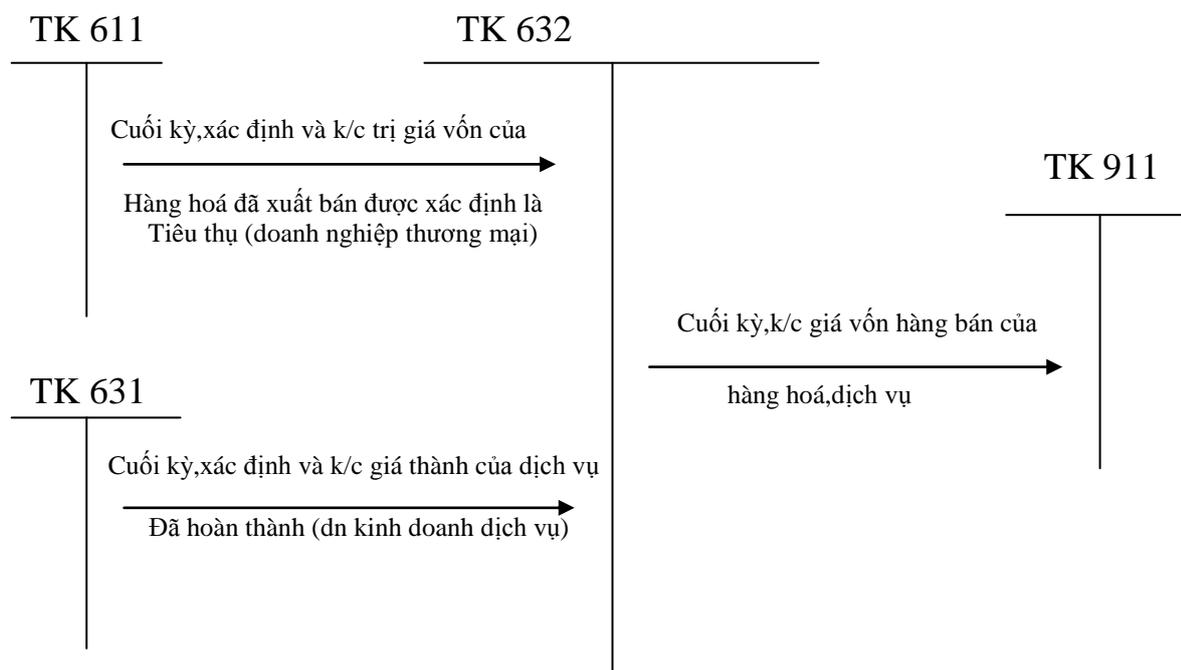
Phương pháp kiểm kê định kỳ hàng tồn kho có ưu điểm là đơn giản, giảm nhẹ khối lượng công việc hạch toán. Nhưng độ chính xác về giá trị vật tư, hàng hoá xuất dùng, xuất bán bị ảnh hưởng của chất lượng công tác quản lý tại kho, quầy, bến bãi.

1.2.2.5. Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu

\* ) Theo phương pháp kê khai thường xuyên



\*) Theo phương pháp kiểm kê định kỳ



### 1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng

#### 1.2.3.1. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 641 " Chi phí bán hàng " - Dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (Trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển sản phẩm.

Tài khoản 641 - " Chi phí bán hàng " được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí :

- \_ Chi phí nhân viên bán hàng
- \_ Chi phí vật liệu, bao bì
- \_ Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- \_ Chi phí khấu hao TSCĐ
- \_ Chi phí bảo hành
- \_ Chi phí dịch vụ mua ngoài
- \_ Chi phí bằng tiền khác

Đề tổng hợp chi phí bán hàng kế toán sử dụng tài khoản 641 - Chi phí bán hàng.

Kết cấu :

Bên Nợ : Các chi phí liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ

Bên Có : Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 " Xác định kết quả kinh doanh " để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản này không có số dư.

1.2.3.2.Chứng từ sử dụng

Để hạch toán chi phí bán hàng kế toán sử dụng một số chứng từ sau :

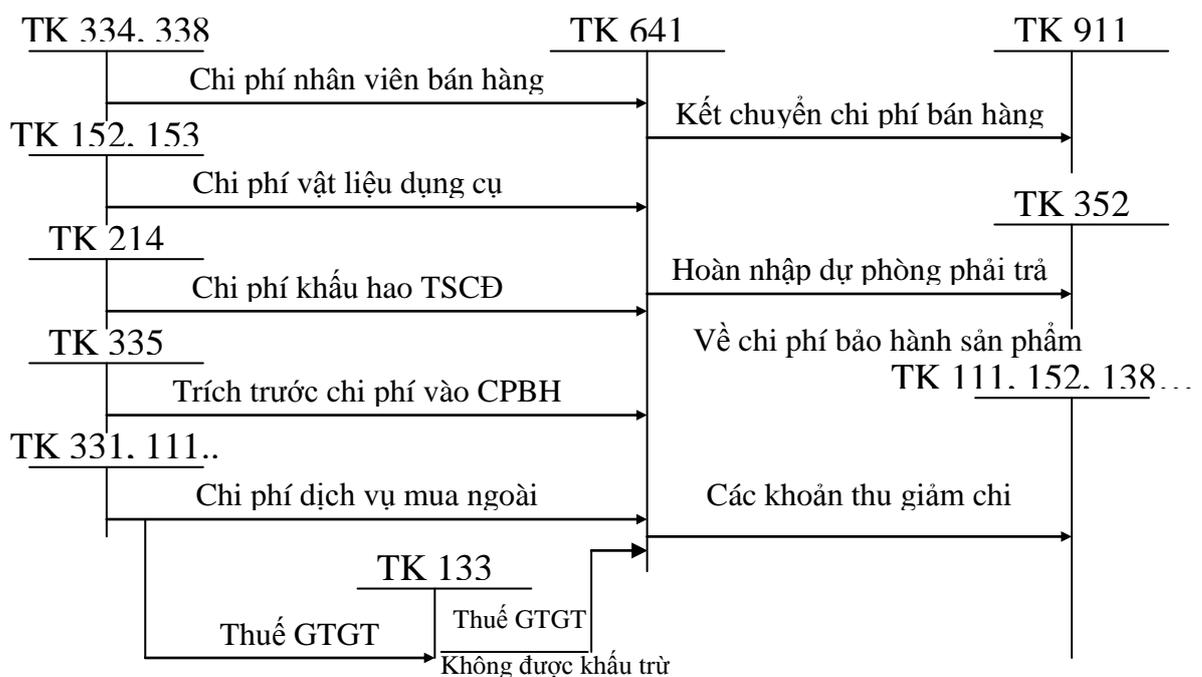
Hoá đơn GTGT

Bảng thanh toán lương

Bảng khấu hao TSCĐ

.....

1.2.3.3.Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu



**Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng**

### *1.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp*

#### *1.2.4.1. Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 642 " Chi phí quản lý doanh nghiệp " - Dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp, là những khoản chi phí có liên quan chung đến toàn bộ doanh nghiệp mà không thể tách riêng ra cho bất kỳ hoạt động nào.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm nhiều loại chi phí như : Chi phí quản lý kinh doanh, chi phí hành chính và chi phí chung khác.

Tài khoản 642 - " Chi phí quản lý doanh nghiệp " được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí :

- \_ Chi phí nhân viên quản lý
- \_ Chi phí vật liệu quản lý
- \_ Chi phí đồ dùng văn phòng
- \_ Chi phí khấu hao TSCĐ
- \_ Thuế, phí và lệ phí
- \_ Chi phí dự phòng
- \_ Chi phí dịch vụ mua ngoài
- \_ Chi phí bằng tiền khác

Để tổng hợp chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán sử dụng tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp. Kết cấu :

#### Bên Nợ :

- + Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;
- + Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả ( Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết );
- + Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

#### Bên Có :

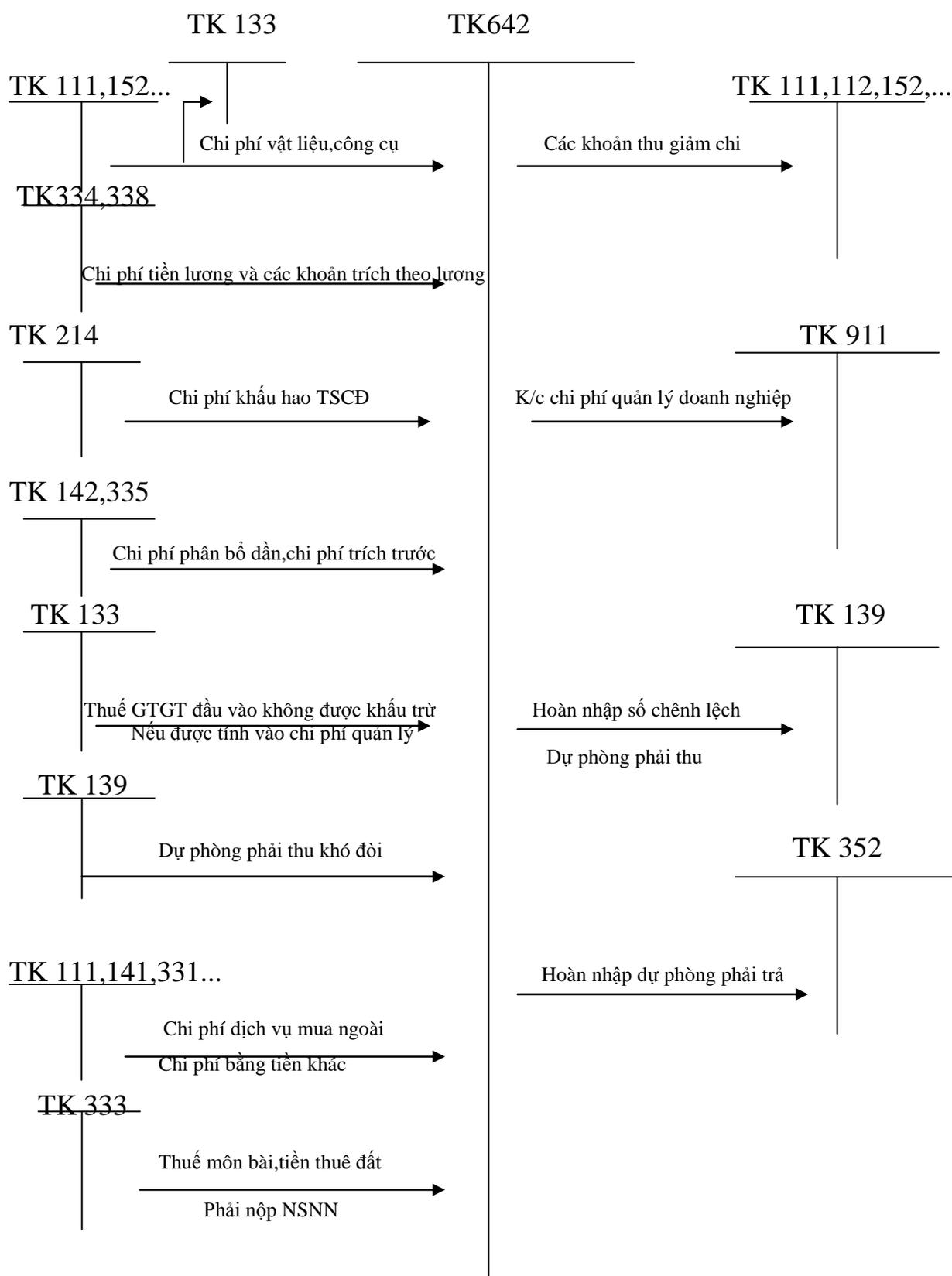
+Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi,dự phòng phải trả ( Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết );

+Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 " Xác định kết quả kinh doanh " để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ



1.2.4.2. Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu



**Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

### *1.2.5. Kế toán hoạt động tài chính*

Khái niệm hoạt động tài chính : Hoạt động tài chính là hoạt động giao dịch liên quan đến đầu tư tài chính, cho vay vốn, góp vốn liên doanh, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, giao dịch bán chứng khoán, lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ chênh lệch tỉ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ.

#### *1.2.5.1. Kế toán chi phí hoạt động tài chính*

##### *1.2.5.1.1. Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 635 " Chi phí hoạt động tài chính " - Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái...

Tài khoản 635 phải được hạch toán cho từng nội dung chi phí.

Không hạch toán vào tài khoản 635 những nội dung chi phí sau đây :

- \_ Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;
- \_ Chi phí bán hàng;
- \_ Chi phí quản lý doanh nghiệp;
- \_ Chi phí kinh doanh bất động sản;
- \_ Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
- \_ Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác;
- \_ Chi phí tài chính khác.

Để tổng hợp chi phí hoạt động tài chính, kế toán sử dụng tài khoản 635 - " Chi phí tài chính ".

#### *Kết cấu :*

##### *Bên Nợ :*

- + Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- + Lỗ bán ngoại tệ;
- + Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- + Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;

- + Lỗ tỉ giá chứng khoán phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh ( Lỗ tỉ giá hối đoái đã thực hiện );
- + Lỗ tỉ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh ( Lỗ tỉ giá hối đoái chưa thực hiện );
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ( Chênh lệch giữa số dự phòng phía lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết );
- + Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỉ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỉ giá - Giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
- + Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên Có :

- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ( Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết );
- + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.1.2.Chứng từ sử dụng

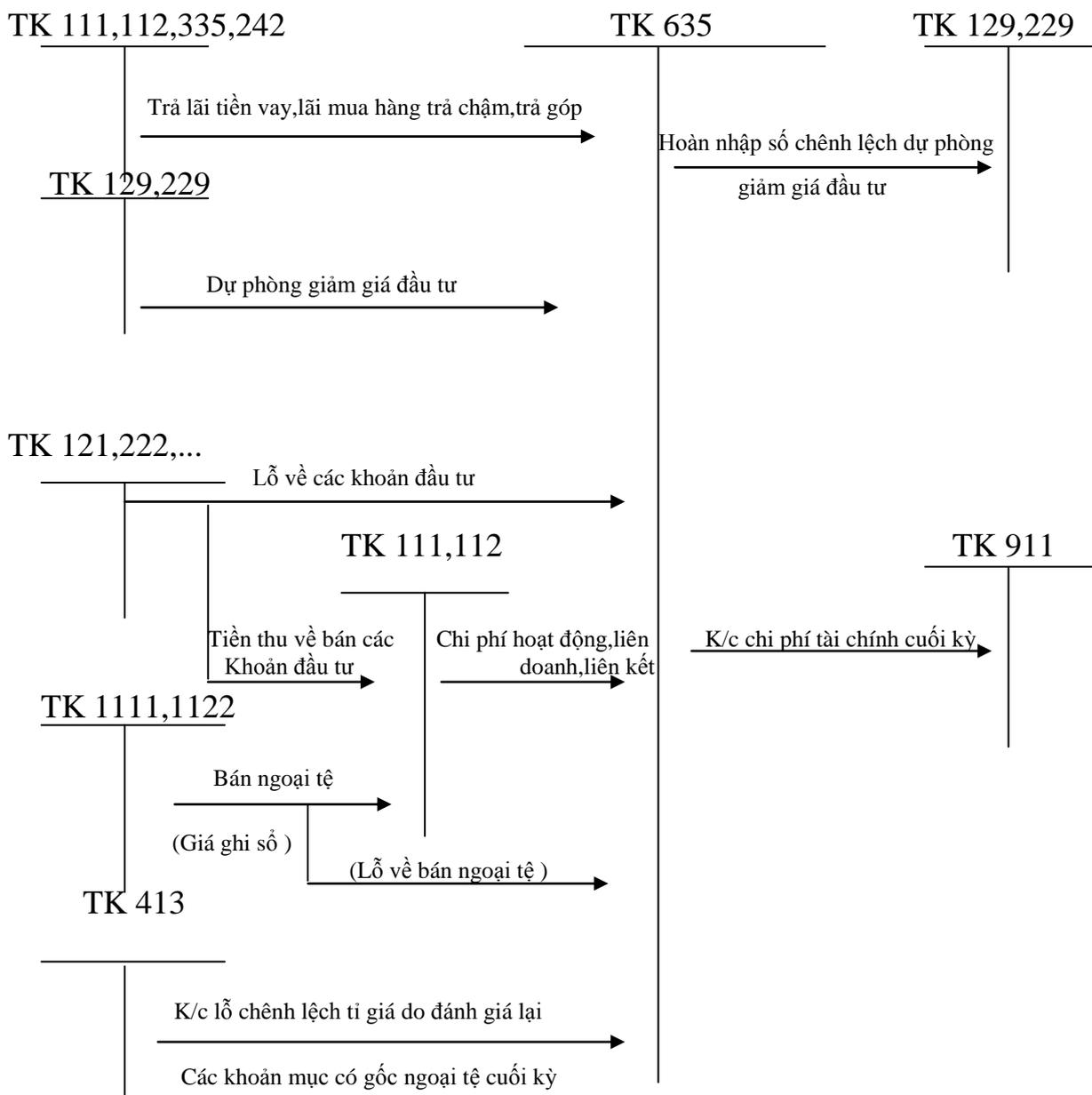
Chứng từ sử dụng để hạch toán chi phí tài chính :

Giấy báo nợ

Phiếu chi

....

1.2.5.1.3.Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu



**Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính**

1.2.5.2.Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.5.2.1.Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515 - " Doanh thu hoạt động tài chính " Phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm :

\_ Tiền lãi : Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư tín phiếu, trái phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá dịch vụ;...

\_ Cổ tức, lợi nhuận được chia;

\_ Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;

\_ Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;

\_ Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;

\_ Lãi tỷ giá hối đoái;

\_ Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;

\_ Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;

\_ Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

Để tổng hợp chi phí tài chính, kế toán sử dụng tài khoản 515 - "Doanh thu hoạt động tài chính". Kết cấu :

Bên Nợ :

+ Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);

+ Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Bên Có :

+ Tiền lãi cổ tức và lợi nhuận được chia;

+ Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;

+ Chiết khấu thanh toán được hưởng;

+ Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;

+ Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;

+ Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;

+ Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính;

+ Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.2.2.Chứng từ sử dụng

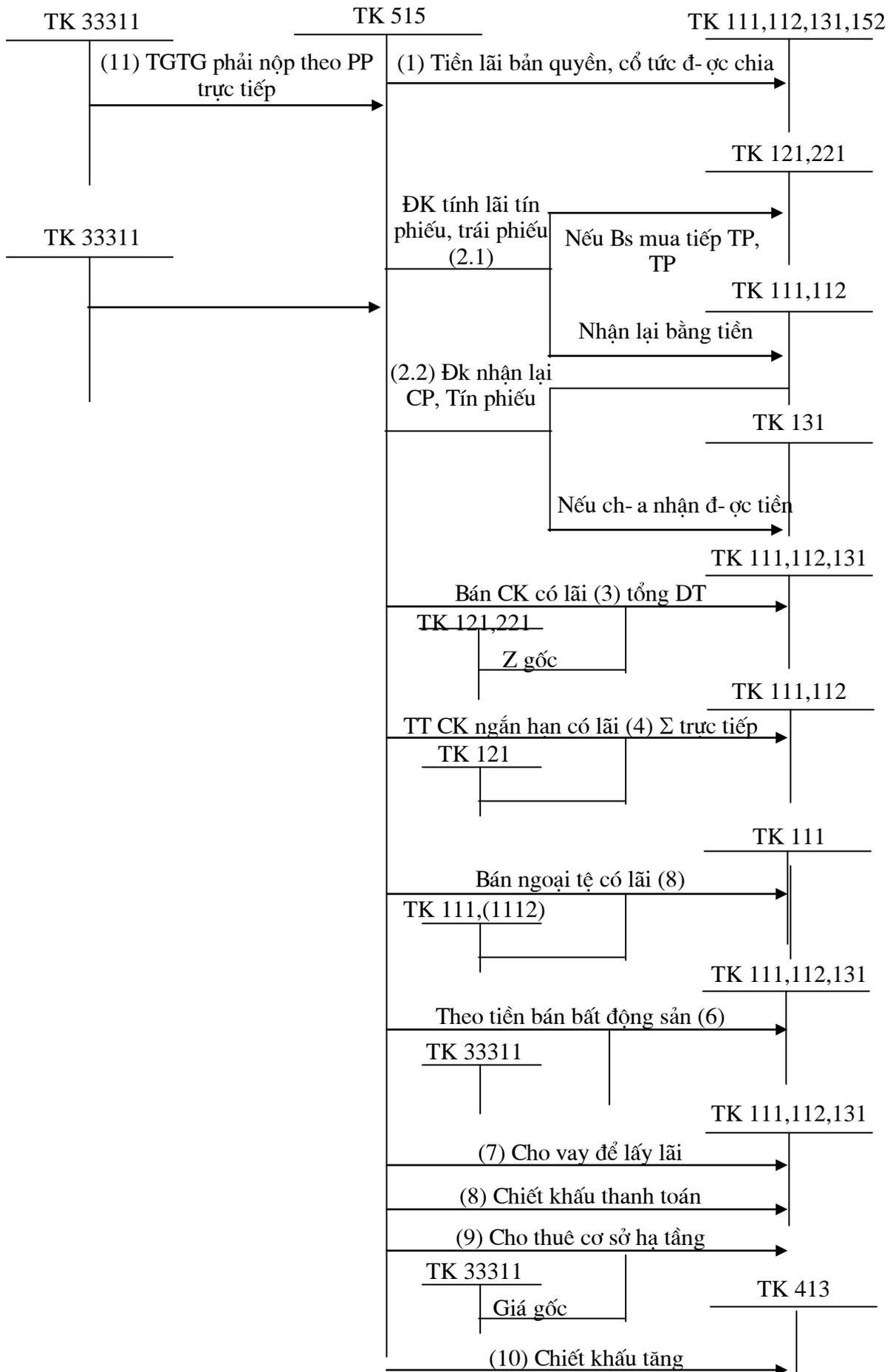
Để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính kế toán căn cứ vào các chứng từ :

Giấy báo có

Phiếu thu

....

1.2.5.2.3.Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu



Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

### 1.2.6. Kế toán hoạt động khác

#### 1.2.6.1. Kế toán chi phí khác

##### 1.2.6.1.1. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 811 " Chi phí khác " - Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm :

\_ Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);

\_ Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;

\_ Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;

\_ Bị phạt thuế, truy nộp thuế;

\_ Các khoản chi phí khác.

Để tổng hợp chi phí khác, kế toán sử dụng tài khoản 811 - "Chi phí khác". Kết cấu :

Bên Nợ : Các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên Có : Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh" .

Tài khoản 811 không có số dư.

##### 1.2.6.1.2. Chứng từ sử dụng

Chứng từ dùng để hạch toán chi phí khác :

Biên bản thanh lý tài sản cố định

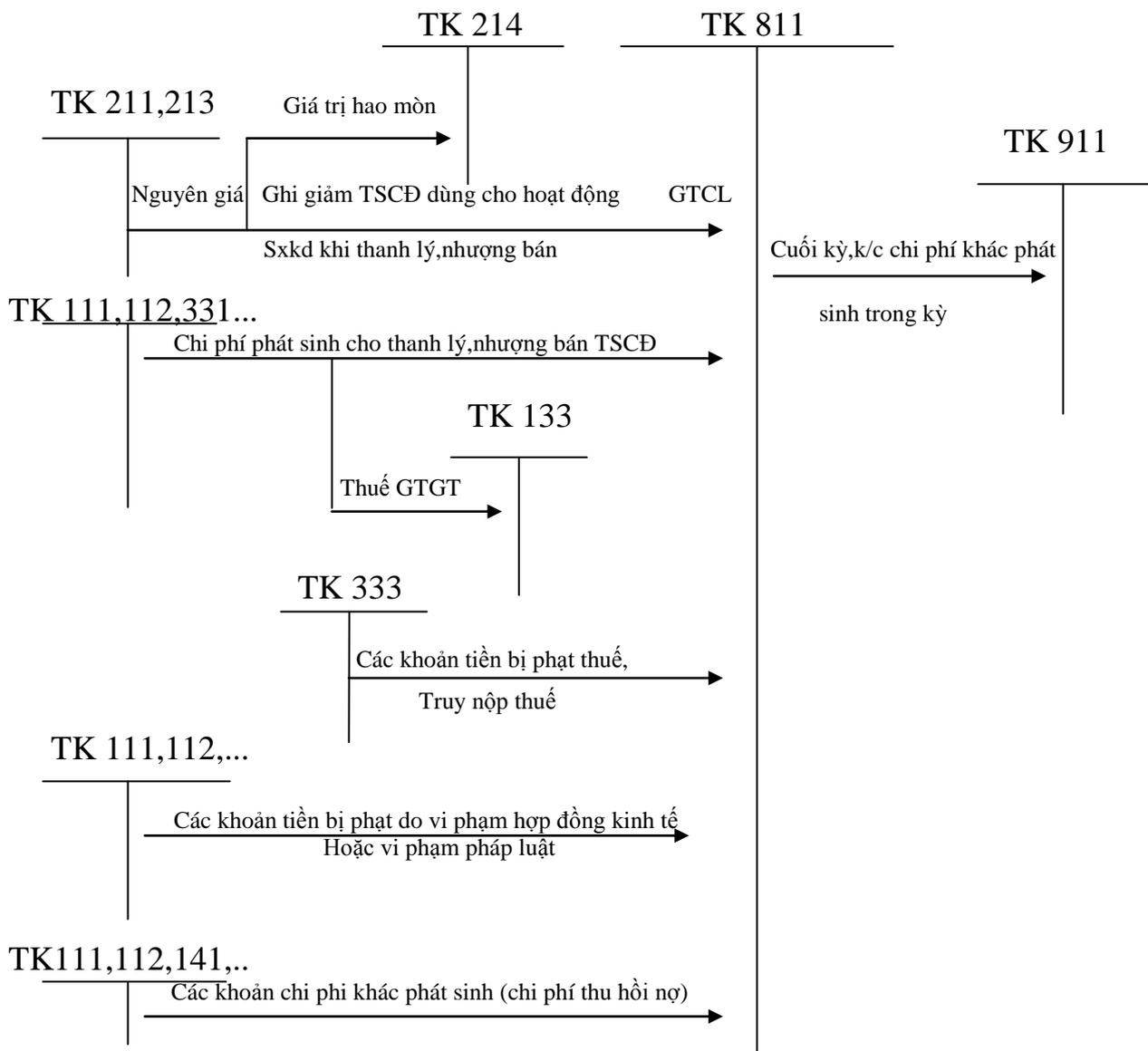
Biên bản đánh giá lại TSCĐ khi đem đi góp vốn

Phiếu chi

...



1.2.6.1.3. Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu



Sơ đồ hạch toán chi phí khác

### 1.2.6.2. Kế toán thu nhập khác

#### 1.2.6.2.1. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 711 " Thu nhập khác " - Phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm :

- \_ Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- \_ Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- \_ Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- \_ Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- \_ Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý, xoá sổ;
- \_ Các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại;
- \_ Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- \_ Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ, không tính trong doanh thu ( nếu có );
- \_ Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- \_ Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

Để tổng hợp thu nhập khác kế toán sử dụng tài khoản 711 - "Thu nhập khác". Kết cấu :  
Bên Nợ :

- + Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 " Xác định kết quả kinh doanh ".

Tài khoản 711 không có số dư.

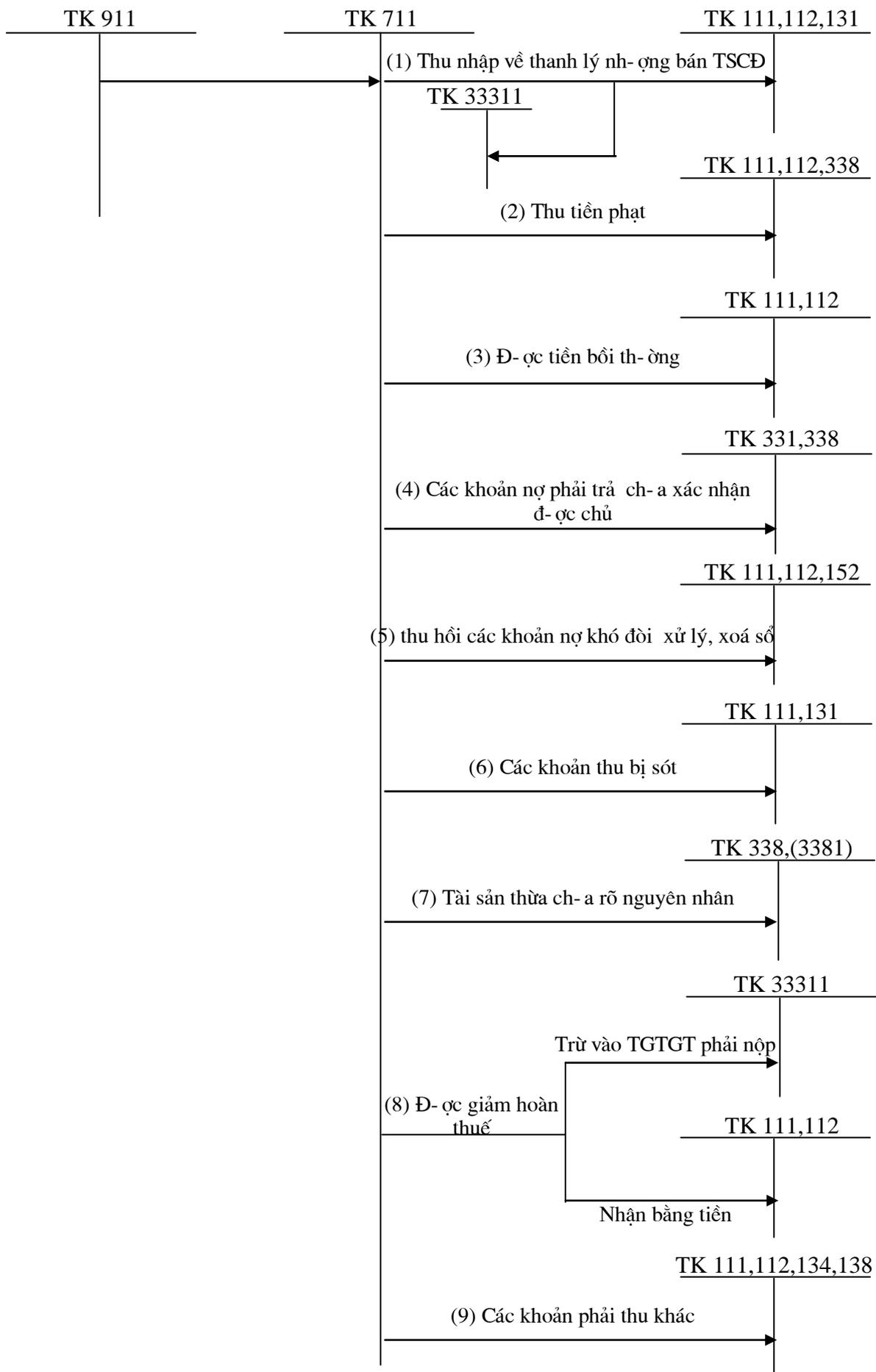
#### 1.2.6.2.2. Chứng từ sử dụng

Hoá đơn GTGT

Biên bản đánh giá lại TSCĐ

.....

#### 1.2.6.2.3. Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu



Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

### 1.2.6.3. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ( TNDN)

\*) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 821 " Chi phí thuế TNDN " - Dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 821 - Chi phí thuế TNDN

Bên Nợ :

- + Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm;
- + Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại;
- + Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại phải trả ( Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm );
- + Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại ( Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm );
- + Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 - " Chi phí thuế TNDN hoãn lại " lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 - " Chi phí thuế TNDN hoãn lại " phát sinh trong kỳ vào bên Có Tài khoản 911 - " Xác định kết quả kinh doanh ".

Bên Có :

- + Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập hiện hành tạm phải nộp thì được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận trong năm;
- + Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại;
- + Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm);

+ Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại ( Số chênh lệch giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm );

+ Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào tài khoản 911 - " Xác định kết quả kinh doanh ";

+ Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 - "Chi phí thuế TNDN hoãn lại " phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK 911 - " Xác định kết quả kinh doanh ".

Tài khoản 821 - " Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp " không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 821 - Chi phí thuế TNDN có 2 tài khoản cấp 2 :

\_Tài khoản 8211 - Chi phí thuế TNDN hiện hành

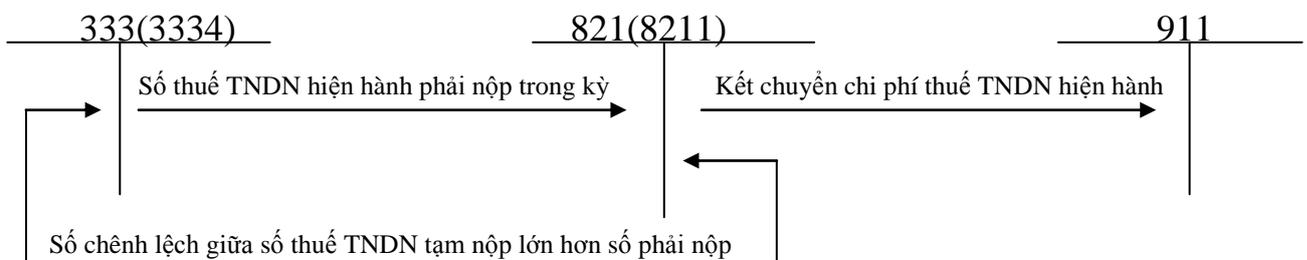
\_Tài khoản 8212 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại

\*)Chứng từ sử dụng

Phiếu kết chuyển cuối kỳ

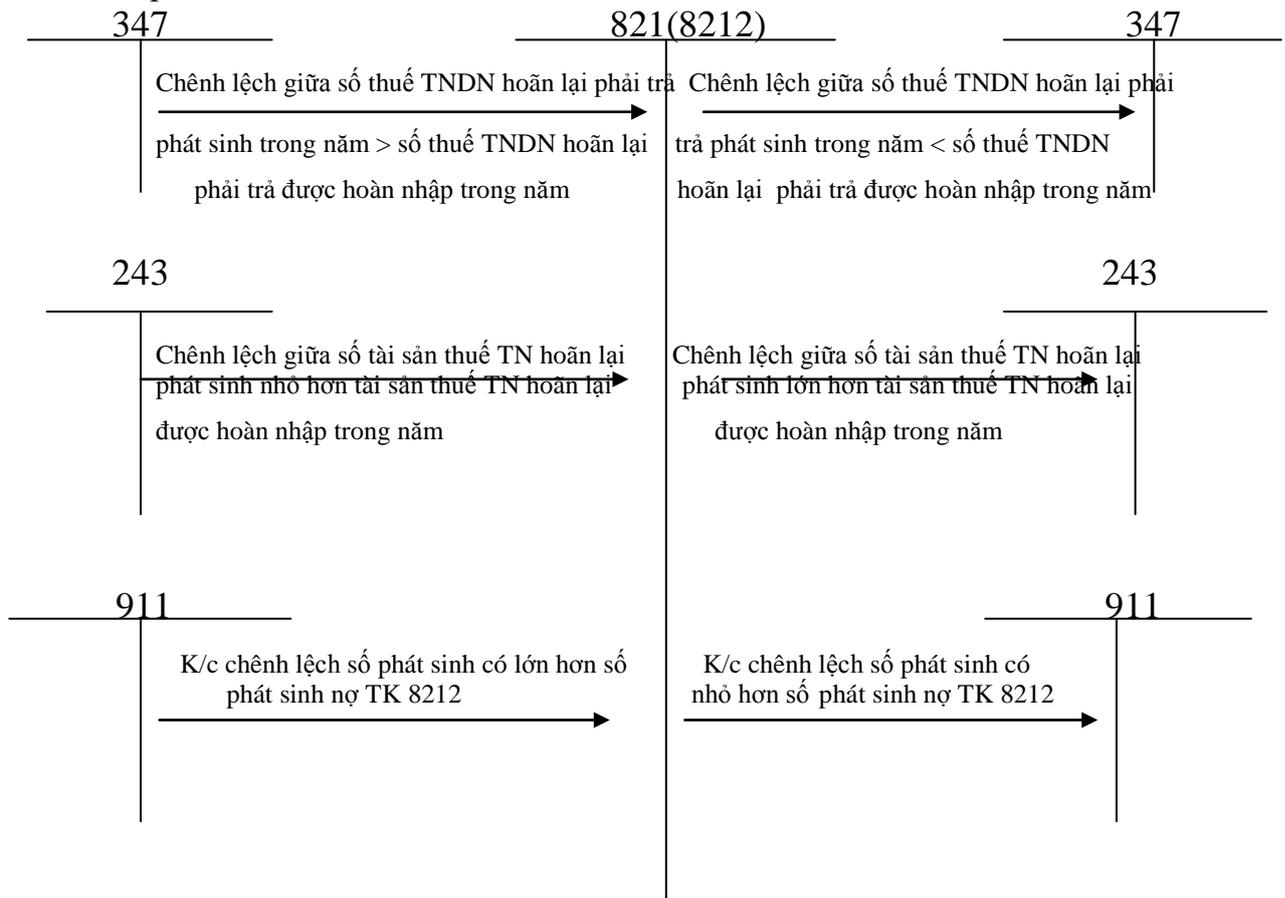
\*)Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu

Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành



***Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành***

Kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại



***Kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại***

### 1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

#### 1.2.7.1. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 " Xác định kết quả kinh doanh " - Dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm : Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

$$\begin{array}{r} \text{Kết quả} \\ \text{hoạt động} \\ \text{sxkd} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{bán hàng} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí quản lý} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{Kết quả hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Thu nhập hđ} \\ \text{tài chính} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí hđ} \\ \text{tài chính} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{Kết quả} \\ \text{hoạt động} \\ \text{khác} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Thu nhập} \\ \text{khác} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{khác} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{thuế TNDN} \end{array}$$

Tài khoản 911 - "Xác định kết quả kinh doanh" có kết cấu như sau :

Bên Nợ :

- + Trị giá vốn của sản phẩm hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- + Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác;
- + Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- + Kết chuyển lãi.

Bên Có :

- + Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- + Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN;
- + Kết chuyển lỗ.

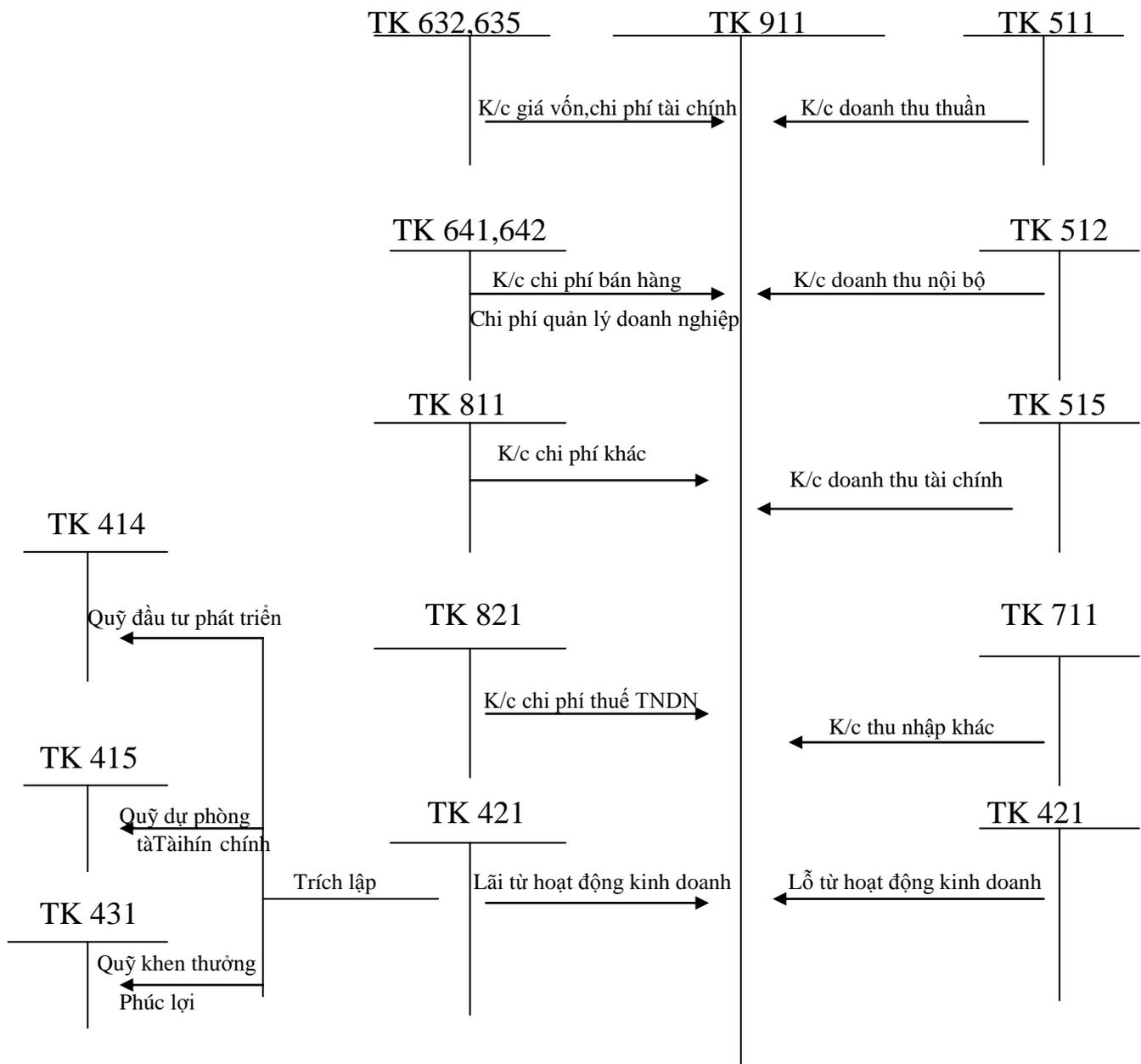
Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

1.2.7.2. Chứng từ sử dụng

Chứng từ dùng để xác định kết quả kinh doanh :

Phiếu kế toán

1.2.7.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh



Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh



### 1.3. Các hình thức sổ kế toán áp dụng

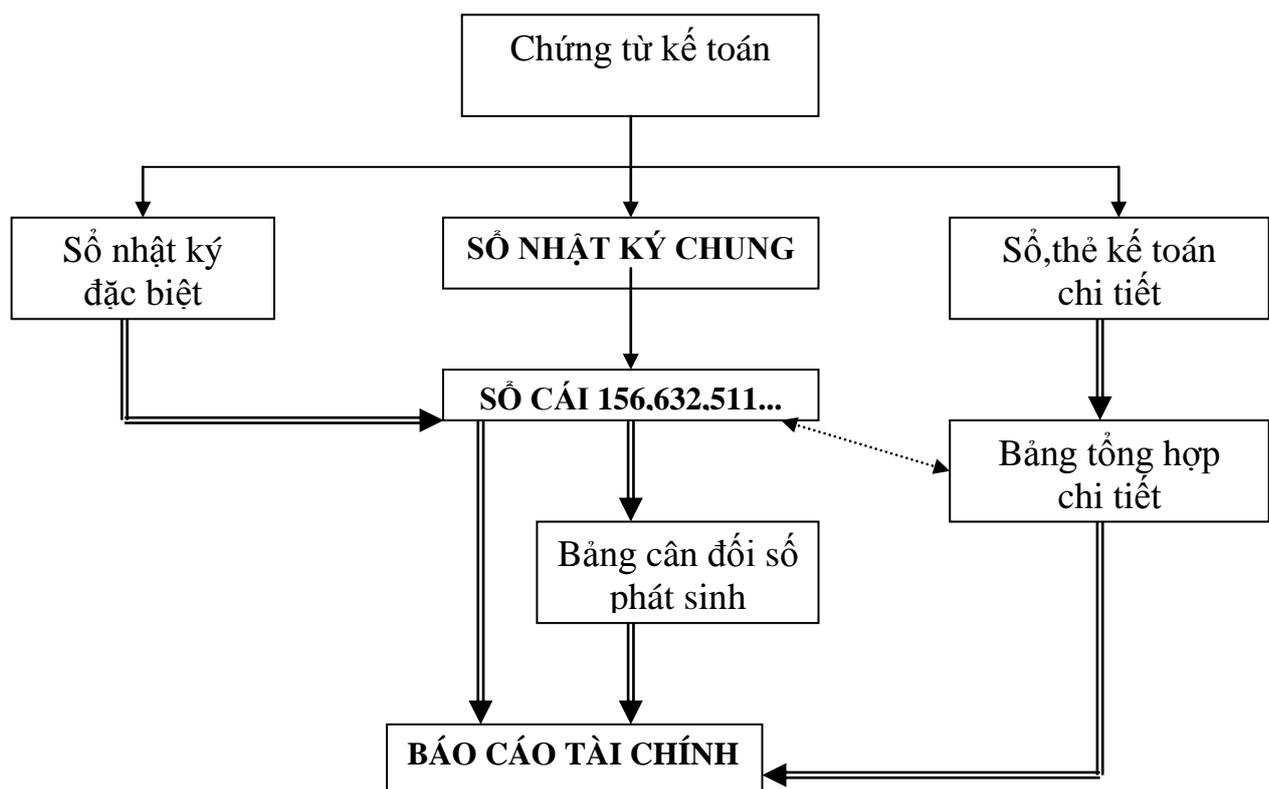
Sổ kế toán dùng để ghi chép, hệ thống và lưu giữ toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính đã phát sinh có liên quan đến đơn vị kế toán. Do quy mô và loại hình kinh doanh của các doanh nghiệp khác nhau nên mỗi doanh nghiệp nên lựa chọn cho mình một mô hình sổ kế toán thích hợp.

Hiện nay các doanh nghiệp có thể áp dụng các hình thức sổ kế toán sau :

- Hình thức Nhật ký chung
- Hình thức Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức Chứng từ ghi sổ
- Hình thức Nhật ký chứng từ

#### 1.3.1. Hình thức Nhật ký chung

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.



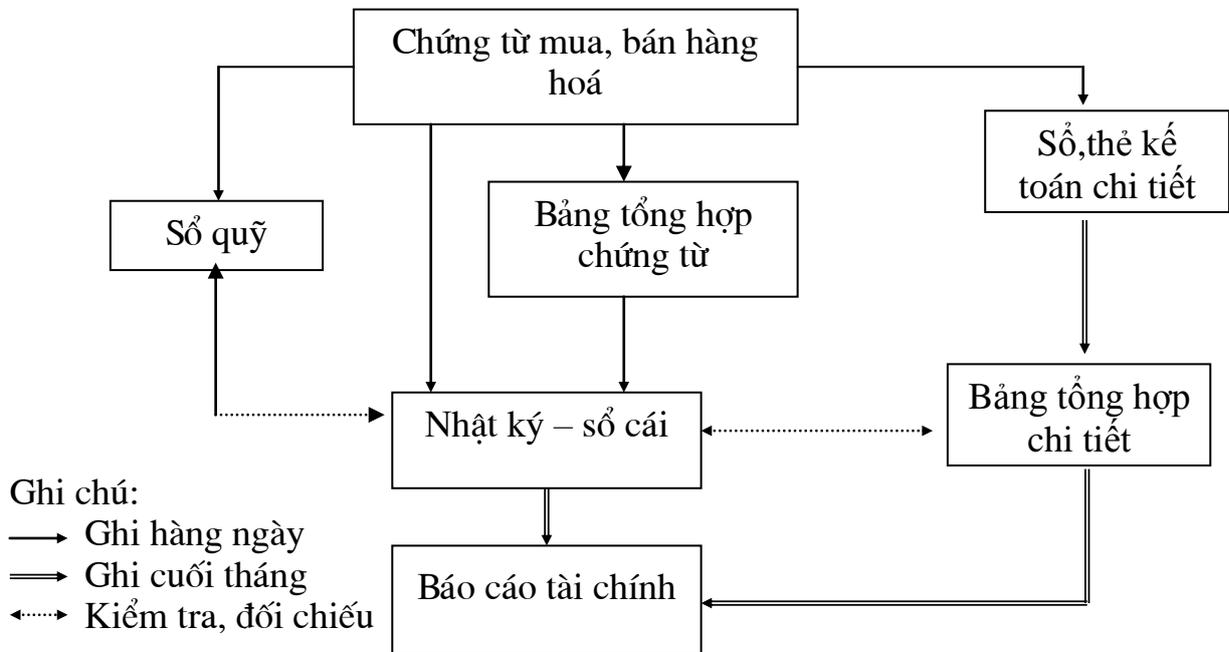
Ghi chú :

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, định kỳ ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

**Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung**

**1.3.2. Hình thức Nhật ký - Sổ cái**

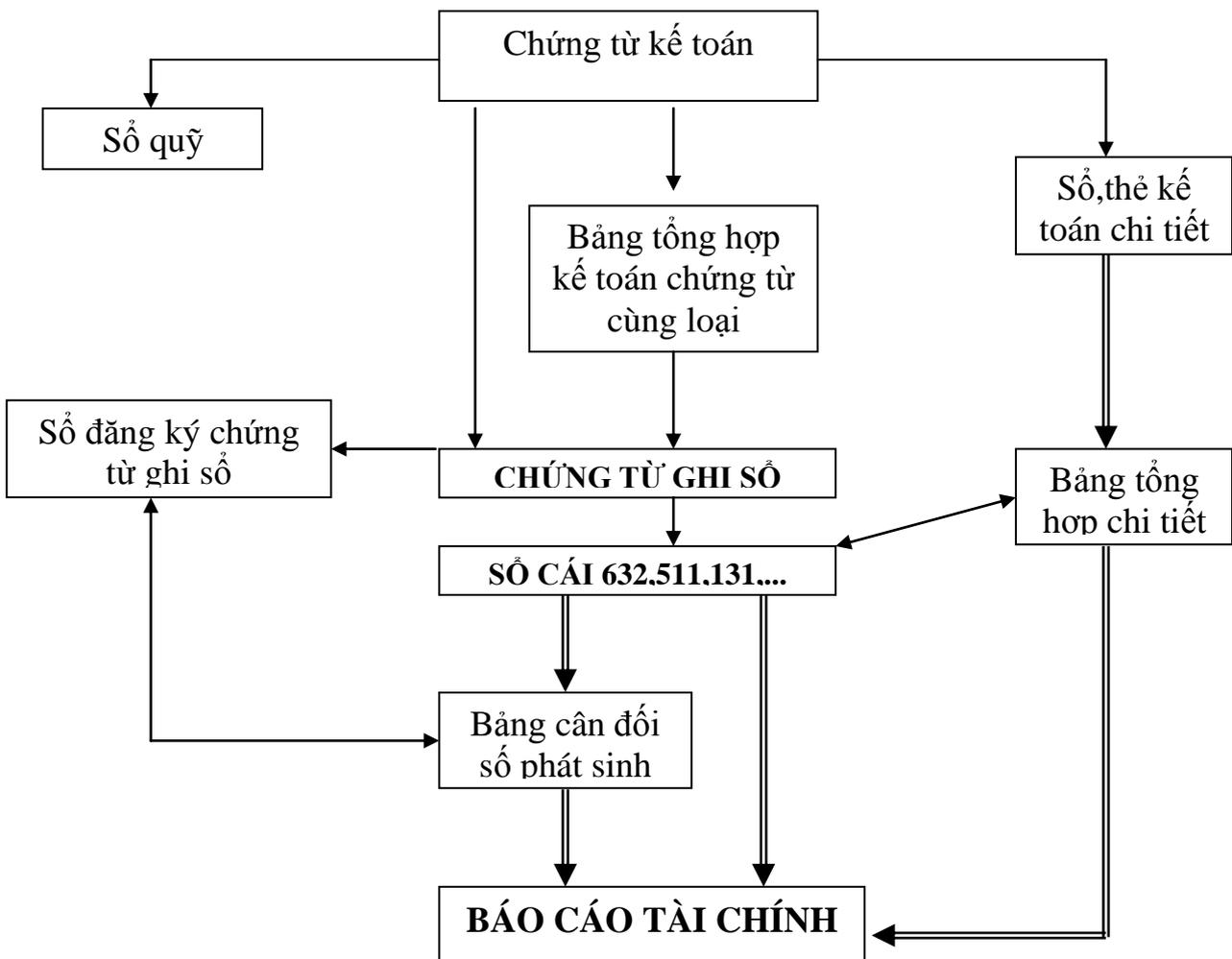
Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ. Sau đó được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.



**Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Sổ Cái**

1.3.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.



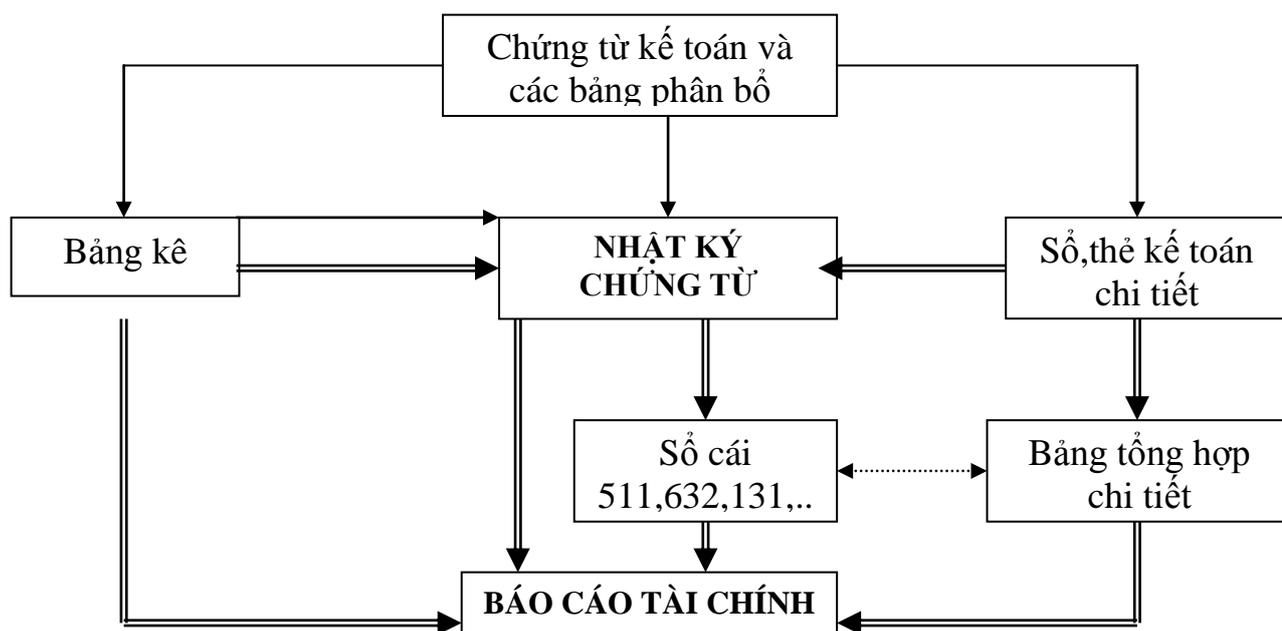
**Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ**

Ghi chú :

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng, định kỳ ══════════→
- Đối chiếu, kiểm tra ◀.....▶

1.3.4. Hình thức Nhật ký - Chứng từ

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã đwocj kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc bảng kê, sổ chi tiết có liên quan. đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, sau đó lấy số số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các bảng kê và Nhật ký chứng từ có liên quan



*Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Chứng từ*

Ghi chú :

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, định kỳ ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ⇔

## CHƯƠNG II

### THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI AN HUY

#### 2.1. TỔNG QUÁT VỀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI AN HUY

##### 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải An Huy được thành lập theo giấy phép kinh doanh số 0203001101 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 29/10/2004, đăng ký lần 2 ngày 30/3/2007. Tuy chỉ mới thành lập được 6 năm nhưng công ty đã được nhiều bạn hàng và công ty trong nước và ngoài nước đầu tư.

##### \*) Loại hình doanh nghiệp

\_ Tên công ty viết bằng tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI AN HUY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN HUY TRANSPORT AND SERVICE TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt : AN HUY TST-JSC

\_ Hình thức công ty : Là công ty cổ phần với sự góp vốn của 3 thành viên. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn của mình. Mọi hoạt động của công ty được điều chỉnh bởi luật Doanh nghiệp, các quy định có liên quan của luật pháp nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và Điều lệ công ty.

\_ Trụ sở và địa bàn hoạt động

- Địa chỉ trụ sở chính : Số 160 Tô Hiệu, phường Trại Cau, quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

- Tel : 3629096 Fax : 3978838

- Mã số thuế : 0200608067

-Vốn điều lệ tại thời điểm đăng ký kinh doanh là 1.000.000.000 đồng

\*)Mục tiêu và phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Công ty được thành lập để sản xuất và kinh doanh nhằm đạt hiệu quả cao,tạo công ăn việc làm cho người lao động,tăng lợi tức cho các cổ đông và không ngừng đóng góp cho ngân sách nhà nước theo luật định,phát triển công ty ngày càng vững mạnh trên các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.Phạm vi kinh doanh của công ty bao gồm:

- Dịch vụ thương mại và dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá;
- Kinh doanh và sửa chữa ô tô,đầu kéo,rơ moóc,các loại xe chuyên dụng và vật tư thiết bị,phụ tùng thay thế;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá,hành khách bằng đường thuỷ và đường bộ;
- Kinh doanh và đại lý hàng điện tử,điện lạnh,trang trí nội ngoại thất;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng,khách sạn,vui chơi giải trí;
- Xây dựng các công trình dân dụng,công nghiệp,giao thông,thuỷ lợi và cơ sở hạ tầng.

*(Trích trong điều lệ công ty)*

Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải An Huy đã tham gia vào nhiều ngành nghề kinh doanh từ khi thành lập đến nay:

- Năm 2005-2006 :kinh doanh thương mại ô tô
- Năm 2006-đến nay :kinh doanh vận tải và xuất nhập khẩu.

Tuy nhiên do việc kinh doanh xuất nhập khẩu không hiệu quả nên công ty đã chuyển đổi sang mô hình kinh doanh vận tải.Vì còn mới thành lập nên trong quá trình kinh doanh lúc đầu còn gặp nhiều khó khăn.

Thông qua quá trình kinh doanh công ty khai thác có hiệu quả các nguồn vốn, đáp ứng nhu cầu của thị trường về phát triển doanh nghiệp,tăng tích lũy cho ngân sách,cải thiện đời sống cho công nhân viên.Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải An Huy có chức năng cung cấp dịch vụ vận chuyên,phục vụ cho nhu cầu thị trường theo nguyên tắc kinh doanh có lãi thực hiện tốt nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước,hoạt động kinh doanh theo luật pháp,quan tâm tốt tới

công tác xã hội và từ thiện. Xây dựng công ty ngày càng phát triển, thực hiện tốt các nhiệm vụ sau :

1. Tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh theo đúng quy chế hiện hành, thực hiện mục đích và nội dung của công ty;

2. Khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn của doanh nghiệp tự tạo thêm nguồn vốn để đảm bảo cho việc thực hiện mở rộng và tăng trưởng hoạt động kinh doanh của công ty, thực hiện tự trang trải về tài chính, kinh doanh có lãi, đáp ứng được nhu cầu của thị trường;

3. Nâng cao hiệu quả kinh doanh;

4. Xây dựng và phát triển ngành hàng, có kế hoạch kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tế;

5. Tuân thủ các chính sách, chế độ và luật pháp của nhà nước có liên quan đến kinh doanh của công ty. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành hàng đăng ký, chịu trách nhiệm trước nhà nước về kết quả hoạt động kinh doanh của mình và chịu trách nhiệm trước khách hàng, trước pháp luật về dịch vụ do công ty cung cấp về các hợp đồng kinh tế, hợp đồng liên doanh và các văn bản khác mà công ty ký kết;

6. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng quy định của bộ luật lao động

7. Bảo đảm thực hiện đúng chế độ và quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ về hạch toán kế toán, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do nhà nước quy định.

#### \*)Thành tích đạt được

Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải An Huy chỉ mới thành lập được 6 năm nhưng đã đạt được những thành tích đáng kể trong sản xuất và phong trào thi đua..Cụ thể:

-Đơn vị quyết thắng trong phong trào Bảo vệ an ninh Tổ quốc của thành phố Hải Phòng liên tục trong các năm.

-Nhiều bằng khen, cờ thi đua khác của các ban ngành và thành phố trong công tác BHXH, BHYT, dân quân tự vệ, gương người tốt việc tốt.

-Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước,địa phương và công nhân viên trong công ty,tham gia vào việc giúp đỡ,ủng hộ người nghèo,người có công với cách mạng.

Một số chỉ tiêu đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty trong 2 năm như sau :

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2009	6 tháng đầu năm 2010	Chênh lệch	
			Số tiền	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng	5.313.859.270	6.704.458.666	1.390.599.396	20.74
Giá vốn hàng bán	3.535.467.864	5.423.586.051	1.888.118.187	34.81
Lợi nhuận gộp	978.391.406	1.280.872.615	302.481.209	23.62

*(Nguồn : Phòng tài chính - kế toán)*

Nhìn vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 2 năm qua ta thấy rằng kết quả kinh doanh đạt được là khá cao và nói lên sự cố gắng của Công ty.

**\*)Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình hoạt động**

**\*)Thuận lợi**

Công ty có địa điểm thuận lợi cho việc đi lại và phát triển hơn ngành nghề kinh doanh của mình.Đội ngũ nhân viên nhiệt tình,giàu năng lực và có tinh thần trách nhiệm cao,chuyên môn nghiệp vụ vững vàng.Trong thời kỳ kinh tế đổi mới,doanh nghiệp đã nắm bắt được tình hình và chọn được phương án kinh doanh thích hợp nhất.Nâng cao chất lượng dịch vụ,đảm bảo về việc giao hàng đúng thời hạn nên đã tạo uy tín cho bạn hàng và các chủ đầu tư.Công ty luôn xác định giữ vững thị trường là vấn đề sống còn đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của công ty.

**\*)Khó khăn**

Bên cạnh những thuận lợi có thể nhìn thấy được thì khó khăn mà công ty gặp phải không hề ít và công ty đang cố gắng khắc phục những hạn chế này như:doanh nghiệp chưa ổn định được mặt bằng kinh doanh,vẫn còn phải đi thuê địa điểm.Vì mới thành lập nên khâu quản lý,tổ chức bộ máy nhân sự cũng như bộ máy kế toán còn nhiều thiếu sót.

Trên thị trường có rất nhiều đối thủ cạnh tranh,đặc biệt là đối thủ tiềm tàng đang muốn chiếm lĩnh thị trường vì thế công tác hoạch định chiến lược kinh doanh cho những năm tiếp theo gặp nhiều khó khăn.



**2.1.2. Đặc điểm tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh**

\*) Cơ sở vật chất kỹ thuật của công ty

Đối với các phòng ban: Mỗi phòng đều có trang thiết bị hiện đại, tiên tiến: máy tính, máy điều hoà, trang thiết bị khác phục vụ cho việc cung ứng các dịch vụ.

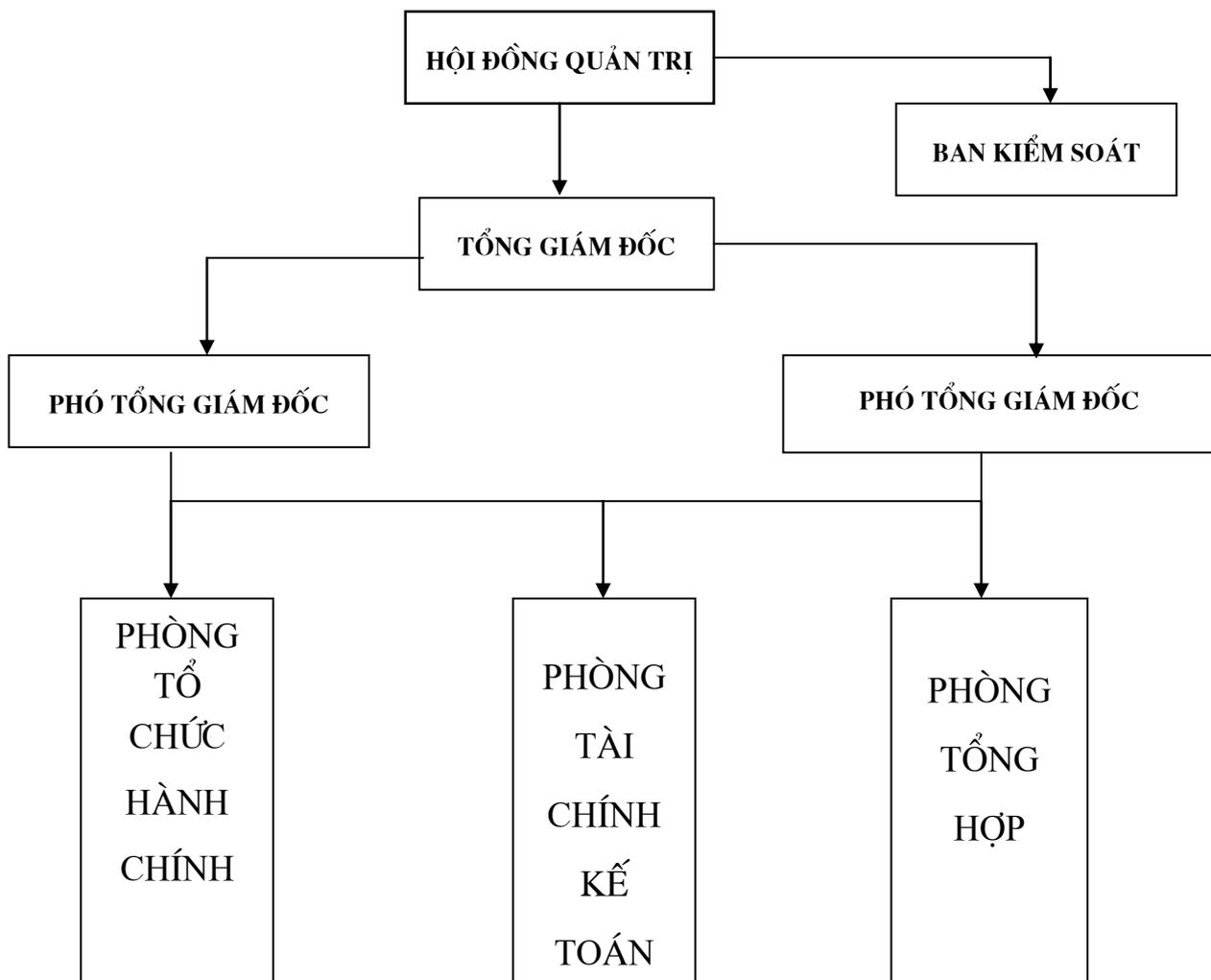
\*) Tình hình nhân lực và bộ máy kinh doanh

\*) Nhân lực

Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải An Huy là 1 công ty cổ phần. Tổng số cán bộ trong công ty 32 người, tổng số nhân viên quản lý 8 người. Đội ngũ nhân viên nhiệt tình, giàu năng lực và có tinh thần trách nhiệm cao, chuyên môn nghiệp vụ vững vàng.

\*) Tổ chức bộ máy kinh doanh

Sơ đồ 1.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của công ty



Công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng sau:

-Hội đồng quản trị : là cơ quan quản lý cao nhất của công ty,có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi việc liên quan đến mục đích,quyền lợi của công ty,trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông.

-Ban kiểm soát : Do hội đồng quản trị bầu có nhiệm vụ giám sát việc ra quyết định của giám đốc.

-Giám đốc : là lãnh đạo cao nhất trong mọi hoạt động của công ty, chịu trách nhiệm trước nhà nước về mọi hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của công ty.Theo hệ thống quản lý chất lượng giám đốc có trách nhiệm và quyền hạn sau :

- Tổ chức,điều hành công ty hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao
- Quy định trách nhiệm,quyền hạn của các thành viên trong hệ thống quản lý
- Cung cấp đầy đủ quyền lực để duy trì hoạt động của cả hệ thống công ty
- Định kỳ tổ chức các cuộc họp để kiểm tra mọi hoạt động của công ty
- Phân công trách nhiệm,quyền hạn cho ban giám đốc,trưởng các bộ phận

-Phó giám đốc tổ chức hành chính :

- Thay mặt giám đốc điều hành công ty khi giám đốc đi vắng
- Tổ chức điều hành công tác tổ chức,quản lý hành chính của công ty.
- Chỉ đạo các công tác đoàn thể
- Phó giám đốc phụ trách kinh doanh :
- Chịu trách nhiệm khai thác và mở rộng thị trường cả trong và ngoài nước
- Chịu trách nhiệm giao dịch,tìm đơn hàng trình giám đốc phê duyệt,phối hợp với các phòng ban thực hiện tốt các hợp đồng đã ký với khách hàng.
- Chịu trách nhiệm tiếp thị,quảng cáo

-Phòng tổ chức hành chính :

- Về hành chính : Phục vụ tốt công tác lễ tân tiếp khách.Đảm bảo phát hành,lưu trữ,bảo mật công văn theo đúng chế độ,đảm bảo hệ thống thông tin thông suốt,cung cấp đầy đủ văn phòng phẩm,nước uống,và công tác vệ sinh,y tế trong toàn công ty.

- Về quân sự, bảo vệ : Đảm bảo an toàn, duy trì trật tự kỷ luật trong toàn công ty. Đồng thời có phương án luyện tập phòng chống cháy nổ cho đội phòng cháy chữa cháy và đội tự vệ của công ty.
- Về tổ chức lao động tiền lương : Có kế hoạch tuyển dụng đủ lao động cho sản xuất, đào tạo cho công nhân mới để tạo nguồn lao động ổn định. Đảm bảo đúng chính sách tiền lương, BHXH, BHYT cho CBCNV trong toàn công ty.
- Phòng kế toán : Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện thu thập và xử lý các thông tin kế toán ban đầu, thực hiện chế độ hạch toán và quản lý tài chính theo đúng quy định của bộ tài chính. Đồng thời phòng kế toán còn cung cấp thông tin về tình hình tài chính của công ty một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời, từ đó tham mưu cho ban giám đốc để từ đó đề ra các biện pháp, các quyết định phù hợp với đường lối phát triển của công ty. Quyết toán công trình, quyết toán năm, lập báo cáo lãi lỗ, thu nợ...

### ***2.1.3. Tổ chức bộ máy kế toán và hệ thống kế toán tại công ty cổ phần thương mại, dịch vụ và vận tải An Huy***

#### ***\* ) Tổ chức bộ máy kế toán***

\* ) Xuất phát từ đặc điểm tổ chức sản xuất và quản lý, công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải An Huy được tổ chức theo hình thức tập trung. Toàn bộ công việc kế toán của công ty được thực hiện tại phòng kế toán từ khâu tập hợp số liệu ghi sổ kế toán, lập báo cáo kế toán, phân tích kiểm tra kế toán.

#### ***\* ) Hình thức kế toán***

Hiện nay công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải An Huy đang áp dụng hình thức kế toán : Nhật ký chung. Hình thức này phù hợp với công ty với trang bị đầy đủ máy tính, phòng kế toán đã lập chương trình riêng của công ty đưa vào máy tính.

#### ***\* ) Hình thức tính thuế GTGT***

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

#### ***\* ) Tổ chức bộ máy kế toán***

\_ Phòng kế toán được biên chế 4 người và tổ chức theo các phần hành kế toán như sau : 01 trưởng phòng, 01 kế toán thanh toán, 01 kế toán tổng hợp, 01 thủ quỹ.

\_Chức năng,nhiệm vụ của từng người

-Nhân viên Nguyễn Kim Anh : Trưởng phòng tài chính của công ty có nhiệm vụ:

- Chỉ đạo chung công tác hạch toán kế toán của phòng kế toán.
- Nghiên cứu chế độ văn bản pháp luật về kế toán và thống kê cùng các chế độ văn bản khác có liên quan đến tài chính.
- Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và cơ quan pháp luật về mọi số liệu của nhân viên trong phòng.

-Nhân viên Hoàng Hải Yến : Kế toán thanh toán kiêm phó phòng kế toán có nhiệm vụ:

- Thanh toán các khoản bằng tiền mặt và chuyển khoản
- Theo dõi các khoản nợ của cá nhân từng người trong công ty với công ty,của công ty mình với công ty khác.
- Vào sổ sách kế toán
- Cân đối thu - chi
- Theo dõi hợp đồng kinh tế và thanh lý hợp đồng.
- Tiếp các đoàn thanh tra,kiểm tra.

-Nhân viên Đỗ Thị Lý : Kế toán tổng hợp,có nhiệm vụ :

- Định khoản kế toán,làm báo cáo kế toán quý,năm.
- Theo dõi tình hình vốn và nguồn vốn của công ty
- Theo dõi số dư đầu kỳ,phát sinh tăng,phát sinh giảm,số dư cuối kỳ của các tài khoản trên máy.
- Tính,làm báo cáo thuế và nộp thuế với cơ quan thuế.
- Theo dõi doanh thu hàng quý.
- Lập các bảng lương và phân bổ tiền lương

-Nhân viên Nguyễn Thị Hương : Thủ quỹ,có nhiệm vụ :

- Chịu trách nhiệm về quỹ tiền mặt của công ty
- Hàng ngày căn cứ vào phiếu thu chi hợp lệ để nhập,xuất quỹ,ghi sổ quỹ
- Kiểm quỹ hàng ngày,đối chiếu thu chi với kế toán thanh toán.
- Giao dịch ngân hàng.

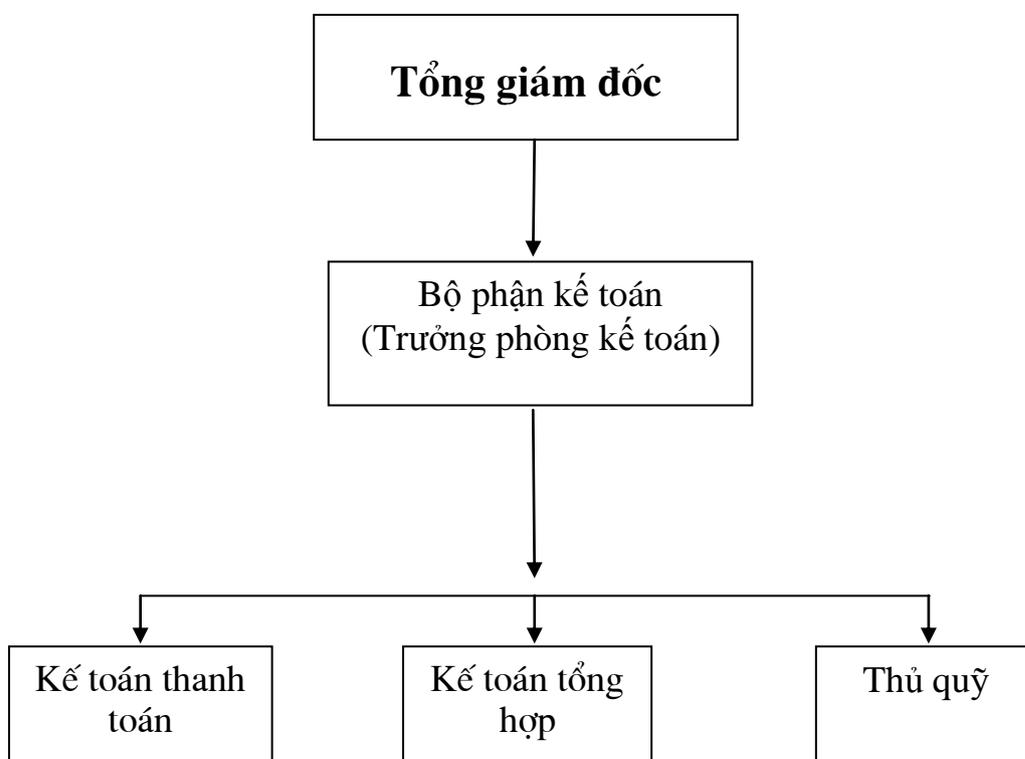
•Lập bảng kê tổng hợp séc,uỷ nhiệm chi

Nhân viên kế toán của công ty có trình độ chuyên môn,có kinh nghiệm trong công tác và luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao.

\*Điều kiện làm việc : Kế toán công ty được làm việc trong một điều kiện đầy đủ,phòng có 3 máy vi tính,2 điện thoại bàn và 1 máy in.Mỗi kế toán có 1 bàn làm việc riêng và một tủ riêng để đựng sổ sách của mình.

Với trang thiết bị đầy đủ như vậy là một điều kiện tốt để nhân viên luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Sơ đồ 1.2.Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán



\*)Các chính sách kế toán áp dụng tại công ty

\*)Chế độ kế toán :

Chế độ kế toán được áp dụng tại công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải An Huy là chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006.

\*)Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán : Việt Nam đồng

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác : tỷ giá thực tế phát sinh theo tỷ giá của ngân hàng Ngoại thương - Công thương Việt Nam.

\*)Niên độ kế toán : Được xác định theo năm Dương lịch,bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

\*)Kỳ kế toán : theo quý.

\*)Phương pháp khấu hao TSCĐ :

-Nguyên tắc đánh giá TSCĐ : Theo nguyên giá và giá trị còn lại của TSCĐ.

-Phương pháp khấu hao áp dụng : Trích khấu hao cơ bản theo đường thẳng.

\*)Phương pháp kế toán hàng tồn kho :

-Phương pháp tính giá nhập nguyên vật liệu,công cụ dụng cụ,thành phẩm :phương pháp giá thực tế.

-Phương pháp tính giá hàng xuất kho :tính theo phương pháp nhập trước,xuất trước.

-Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ :

Tồn kho cuối kỳ = Tồn đầu kỳ + Nhập trong kỳ - Xuất trong kỳ

-Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên.

-Phương pháp hạch toán chi tiết hàng tồn kho : phương pháp thẻ song song.

-Phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

-Hình thức ghi sổ : Nhật ký chung

\*)Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ kế toán

Theo chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành thì mọi nghiệp vụ kế toán phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh,kế toán phải lập chứng từ đúng quy định và ghi chép đầy đủ,kịp thời,đúng sự thật nghiệp vụ kế toán phát sinh. Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải An Huy áp dụng tất cả các mẫu biểu chứng từ kế toán do Bộ tài chính và nhà nước ban hành,bao gồm :

-Các chứng từ về bán hàng : Hoá đơn GTGT, hoá đơn bán hàng thông thường,hoá đơn dịch vụ,hoá đơn cước vận chuyển.

-Các chứng từ về chỉ tiêu tiền tệ : Phiếu thu,phiếu chi,giấy đề nghị tạm ứng,ủy nhiệm chi,giấy đề nghị thanh toán,giấy báo nợ,giấy báo có,lệnh chi...

-Các chứng từ về lao động và tiền lương : bảng chấm công,bảng kê lương chi tiết,bảng thanh toán lương,phiếu nghỉ hưởng BHXH,bảng thanh toán BHXH...

-Các chứng từ về chỉ tiêu hàng tồn kho : phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, thẻ kho, biên bản kiểm kê vật tư..

-Các chỉ tiêu về TSCĐ : Biên bản bàn giao TSCĐ, biên bản thanh lý TSCĐ, biên bản kiểm kê đánh giá lại TSCĐ ...

\*Quy trình luân chuyển chứng từ tại công ty được tiến hành như sau :

-Từ bên ngoài hoặc từng bộ phận trong công ty lập chứng từ theo đúng chế độ quy định của Nhà nước và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào trong chứng từ.

-Công tác kiểm tra, hoàn thiện chứng từ được thực hiện thường xuyên ngay từ khâu lập và các khâu sau đó.

-Sau khi được sử dụng cho việc chỉ đạo các nghiệp vụ ở từng bộ phận, chứng từ được chuyển về phòng kế toán để ghi sổ.

-Cuối cùng chứng từ kế toán đã sử dụng được lưu trữ (sắp xếp, phân loại, bảo quản, cất giữ) tại phòng kế toán.

\*)Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán

Hệ thống tài khoản sử dụng hiện tại theo quyết định 48/2006/BTC.

Công ty không sử dụng các tài khoản chiết khấu thương mại ( TK 521 ), giảm giá hàng bán ( TK 532 ) và là công ty cung cấp dịch vụ nên không sử dụng tài khoản giảm giá hàng bán ( TK 531 ).

Để vận dụng có hiệu quả và linh động, công ty đã xây dựng cho mình một hệ thống tài khoản kế toán riêng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể, công ty đã chi tiết thêm một số tiểu khoản cho phù hợp với loại hình sản xuất kinh doanh của mình.

Ví dụ : Tài khoản 112 " Tiền gửi ngân hàng " : Công ty CP DV TM &VT An Huy thực hiện giao dịch với một số ngân hàng nên tài khoản này được chi tiết như sau :

Tài khoản 112V : Tiền Việt Nam gửi tại Ngân hàng Vietbank

Tài khoản 112M : Tiền Việt Nam gửi tại Ngân hàng Maritimebank

Tài khoản 112A : Tiền Việt nam gửi tại Ngân hàng Agribank

**\*)Hệ thống sổ sách kế toán sử dụng trong công ty****\* Sổ tổng hợp**

+ Sổ nhật ký chung : Là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ phát sinh theo trình tự thời gian.

+ Sổ cái : Là sổ tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong niên độ kế toán theo các tài khoản.Mỗi tài khoản được mở một hay một số trang liên tiếp trong toàn niên độ.

Sổ cái cung cấp thông tin về ngày tháng nghiệp vụ kinh tế phát sinh,số hiệu và ngày tháng của chứng từ,nội dung các nghiệp vụ,số hiệu tài khoản đối ứng với tài khoản này,số tiền phát sinh nợ có của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

+Bảng cân đối số phát sinh : là bảng kiểm tra tính chính xác trong việc ghi sổ của kế toán thông qua việc kiểm tra tính cân đối của cặp số liệu trên bảng.Cơ sở để lập các số phát sinh là số dư cuối kỳ của sổ cái.

\*Sổ chi tiết : Sổ chi tiết thường được lập tùy thuộc vào nhu cầu quản lý cũng như sử dụng thông tin của doanh nghiệp.Với hình thức ghi sổ " Nhật ký chung " , đơn vị hiện đang sử dụng các sổ chi tiết như sau :

+ Sổ quỹ tiền mặt : Theo dõi thu chi tồn quỹ hàng ngày.

+ Sổ chi tiết vật tư : Được mở để theo dõi tình hình nhập,xuất,tồn của từng loại nguyên vật liệu.

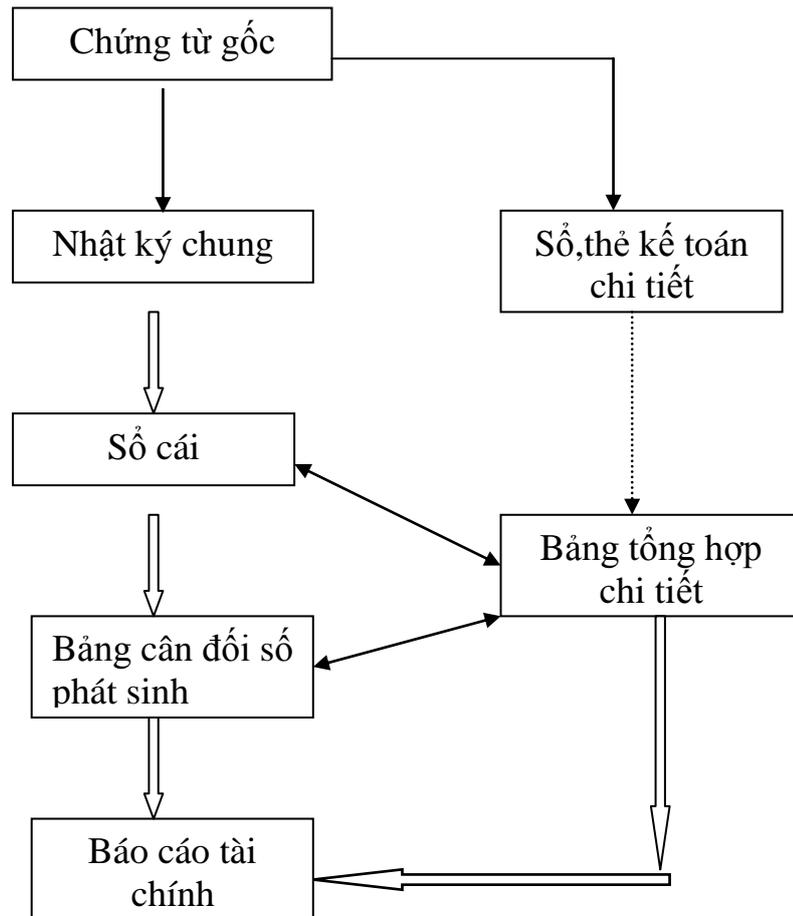
+ Sổ chi tiết tài sản cố định : được mở để theo dõi tình hình tăng giảm TSCĐ.

+ Sổ chi tiết công nợ phải trả : Được mở để theo dõi tình hình công nợ của đơn vị với các khách hàng,nhà cung cấp.

Trên cơ sở các sổ kế toán được mở, đến kỳ báo cáo,kế toán tiến hành kiểm tra, đối chiếu,lập báo cáo tài chính có liên quan phục vụ cho công tác quản lý của công ty.



\*Sơ đồ 1.3.Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



\*Ghi chú :

————→ Ghi hàng ngày

══════════→ Ghi định kỳ ( cuối tháng,quý,năm )

══════════↔ Đối chiếu,kiểm tra

\*)Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán

\_ Báo cáo tài chính

Các báo cáo kế toán của công ty được lập vào cuối mỗi quý kể từ ngày bắt đầu niên độ kế toán (01/01).Theo chế độ kế toán hiện hành công ty đã lập các báo cáo kế toán sau :

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả kinh doanh
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Định kỳ,khi công việc lập báo cáo tài chính phải tiến hành,các kế toán viên phân hành lập các báo cáo tổng hợp chi tiết của phân hành và bảng cân đối số phát sinh các tài khoản do mình phụ trách rồi giao lại cho kế toán tổng hợp,thông qua việc xem xét, đối chiếu với sổ tổng hợp các loại,kế toán tổng hợp vào các báo cáo tài chính.Công việc lập báo cáo tài chính do kế toán tổng hợp đảm nhiệm với sự hỗ trợ của máy vi tính.

Sau khi lập báo cáo công ty gửi tới : Sở Tài chính,cơ quan thuế,đưa lên ban giám đốc,hội đồng quản trị và những chủ đầu tư quan tâm đến doanh nghiệp.

Ngoài các báo cáo tài chính trên công ty còn lập một số báo cáo tổng hợp cho công tác quản trị nội bộ như :

- Báo cáo kiểm kê TSCĐ,vật tư,thành phẩm..
- Báo cáo tồn quỹ tiền mặt,Báo cáo số dư tiền gửi ngân hàng
- Báo cáo tổng hợp kiểm kê công nợ hàng quý
- Báo cáo tổng hợp tăng,giảm TSCĐ
- Báo cáo tình hình doanh thu bán hàng
- Báo cáo khấu hao TSCĐ
- Báo cáo tổng hợp nhập,xuất vật liệu,công cụ dụng cụ trong quý

Các báo cáo này là cơ sở cho việc quản lý theo dõi đánh giá của nhà quản lý cấp cao.

#### \_ Báo cáo quản trị

Các báo cáo quản trị cung cấp thông tin tài chính - kế toán phục vụ cho quản lý nội bộ của công ty,gồm có :

- + Báo cáo tổng hợp doanh thu
- + Báo cáo về số dư công nợ
- + Báo cáo về thu nhập của người lao động

Hàng tháng hoặc bất thường,theo yêu cầu của Hội đồng quản trị,kế toán tổng hợp cũng phải lập báo cáo quản trị của Công ty để Hội đồng quản trị có những quyết định phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty.

## **2.2. Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại dịch vụ và vận tải An Huy**

### 2.2.1. Kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ

#### 2.2.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng

Trong công tác kế toán tiêu thụ, chứng từ kế toán ban đầu sử dụng để hạch toán là : Hoá đơn thuế GTGT, phiếu thu, giấy báo Có của ngân hàng...

Ngoài ra kế toán còn sử dụng : Bảng kê hoá đơn chứng từ hàng hoá dịch vụ mua vào, bán ra, tờ khai thuế GTGT...

Các sổ chi tiết được sử dụng : Sổ chi tiết chi phí đối tượng thanh toán, sổ chi tiết bán hàng...

Các sổ tổng hợp có : Nhật ký chung, sổ cái các tài khoản 632, 511, 111, 131...

#### 2.2.1.2. Tài khoản kế toán sử dụng

Để hạch toán doanh thu bán hàng và thuế GTGT, kế toán sử dụng các tài khoản sau :

TK 511 ( 5113 ) - Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 3331 - Thuế GTGT đầu ra phải nộp

TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

TK 111, 112 - Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

TK 131 - Phải thu của khách hàng...

#### 2.2.1.3. Trình tự kế toán doanh thu

\_Ví dụ 01 : Ngày 09/11/2010, HĐ GTGT 0088231, về cung cấp dịch vụ vận chuyển cho công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu, tổng số tiền phải thanh toán là 42.000.000 đồng, bao gồm Thuế GTGT 10%, chưa thanh toán. Kế toán lập hoá đơn GTGT

<b>HOÁ ĐƠN</b>			Mẫu số: 01 GTKT - 3LL		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			KX/2010B		
Liên 3: Lưu nội bộ			0088231		
<i>Ngày 09 tháng 11 năm 2010</i>					
Đơn vị bán hàng: <b>Công ty CP DV TM &amp; VT AN HUY</b>					
Địa chỉ: 160 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng					
Số Tài khoản: .....					
Điện thoại:..... MS: 0200608067					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Linh					
Tên đơn vị: <b>Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu</b>					
Địa chỉ: Hải Phòng					
Số Tài khoản: .....					
Hình thức thanh toán: ...Chậm trả.... MS: 2900859599					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cước vận chuyển	lần	1	38.181.818	38.181.818
Cộng tiền hàng					38.181.818
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT					3.818.182
Tổng cộng tiền thanh toán					42.000.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn mươi hai triệu đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng ( Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng ( Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị ( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

Từ hoá đơn GTGT, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung

Cty CP DV TM VT An Huy  
160 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03A - DN  
(Ban hành theo QĐ số  
48/2006/QĐ - BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 11/2010

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
SH	NT		Nợ	Có	
		<b>Cộng chuyển trang</b>			<b>1.638.521.569</b>
		.....			
HĐ088231	09/11	Cước vận chuyển Cty Cp Khoáng sản Á Châu	131	5113	38.181.818
HĐ088231	09/11	Cước vận chuyển Cty Cp Khoáng sản Á Châu	131	3331	3.818.182
		.....			
		<b>Cộng chuyển trang</b>			<b>2.896.548.233</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích sổ Nhật ký chung tháng 11/2010)

Từ nhật ký chung vào các Sổ cái có liên quan :

CÔNG TY CP DV TM & VT AN HUY

160 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03B - DN

(Ban hành theo QĐ số

48/2006/QĐ - BTC ngày

14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

Tên tài khoản : Phải thu khách hàng

Số hiệu TK : 131

Từ 01/07/2010 đến 31/12/2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHT K đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		<b><u>1.056.258.620</u></b>	
			Số phát sinh trong kỳ			
			.....	.....	.....	.....
09/11	HĐ088231	09/11	Cước vận chuyển Cty CP Á Châu	5113	38.181.818	
09/11	HĐ088231	09/11	Thuế GTGT đầu ra	3331	3.818.182	
			.....		.....	.....
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>458.563.520</b>	<b>758.562.300</b>
			Số dư cuối kỳ		<b><u>756.259.840</u></b>	

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng tài chính - kế toán)

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

Tài khoản : 131

Đối tượng : Cty CP Khoáng sản Á Châu

Loại tiền : VND

Từ 01/07/2010 đến 31/12/2010

Ngày, tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				<b><u>55.625.354</u></b>	
			Số phát sinh trong kỳ					
09/11	HĐ088231	09/11	Cước vận chuyển	5113	38.181.818		93.807.172	
			Thuế GTGT đầu ra	3331	3.818.182		97.625.354	
			.....		.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng phát sinh</b>		546.689.859	425.889.600	X	X
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		X	X	<b><u>176.425.613</u></b>	

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn : Phòng tài chính - kế toán )

CÔNG TY CP DV TM & VT AN HUY  
160 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03B - DN  
(Ban hành theo QĐ số  
48/2006/QĐ - BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

Tên tài khoản : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu TK : 511

Từ 01/07/2010 đến 31/12/2010

Phát sinh lũy kế từ ngày 01/07/ đến 08/11/2010 : 4.536.985.542

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHT K đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
09/11	HĐ088231	09/11	Cước vận chuyển Cty CP Á Châu	131		38.181.818
			.....		.....	.....
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>6.593.090.942</b>	<b>6.593.090.942</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			<b><u>0</u></b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Phòng tài chính - kế toán)



CÔNG TY CP DV TM & VT AN HUY  
160 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

TK 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ

Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 31/12/2010

Mẫu số S38 - DN  
(Ban hành theo QĐ số  
48/2006/QĐ - BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Phát sinh lũy kế từ ngày 01/07 đến ngày 08/11: 4.536.985.542

Đơn vị tính : VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	
			<b>Số phát sinh</b>				
09/11	HĐ088231	09/11	Cước vận chuyển Cty CP khoáng sản Á Châu	131		38.181.818	
30/11	HĐ088231	30/11	Cước vận chuyển Cty CP Rông Phương Đông	1111		62.727.273	
			.....				
30/11	PKT	30/11	Kết chuyển doanh thu	911	6.593.090.942		
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>6.593.090.942</b>	<b>6.593.090.942</b>	
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			<b>0</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn : Phòng tài chính - kế toán )

2.2.2.Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Với sự làm việc nhiệt tình,có trách nhiệm,có được uy tín nên ở công ty trong những năm gần đây chưa phát sinh nghiệp vụ này.

2.2.3.Kế toán thuế GTGT

Thuế GTGT là loại thuế gián thu đánh trên phần giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ trong quá trình lưu thông. Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải An Huy tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, công thức như sau:

Thuế GTGT phải nộp = Thuế đầu ra - Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

$$\text{Thuế đầu ra} = \frac{\text{Giá bán hàng hoá sản phẩm dịch vụ (chưa có thuế)}}{\text{Thuế suất GTGT của sản phẩm hàng hoá dịch vụ đó}} \times$$

$$\text{Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ} = \frac{\text{Giá mua của sản phẩm hàng hoá dịch vụ}}{\text{Thuế suất thuế GTGT của hàng được khấu trừ}} \times$$

Chứng từ kế toán sử dụng:

- Tờ khai thuế GTGT (MS01GTGT)
- Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá dịch vụ bán ra (MS02/GTGT)
- Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá dịch vụ mua vào (MS03/GTGT)
- Hoá đơn GTGT (MS01GTKT - 3LL)

Trình tự kế toán:

Hàng ngày, đồng thời với việc phản ánh doanh thu bán hàng,kế toán phải theo dõi thuế GTGT tương ứng.Công ty đã đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và sử dụng các mẫu hoá đơn,bảng kê chứng từ hàng hoá mua vào bán ra theo đúng mẫu của Bộ Tài chính quy định.

Cuối kỳ, căn cứ vào các hoá đơn GTGT, cùng với việc vào Sổ chi tiết TK 511, kế toán vào Sổ chi tiết TK3331 cho các mặt hàng bán ra trong tháng được hưởng khấu trừ.

VD : Cuối kỳ kế toán tính được số thuế GTGT phải nộp là 42.256.519 đồng,phản ánh vào Sổ Nhật ký chung,sổ Cái TK ,sổ chi tiết TK 3331 như sau :

Cty CP DV TM VT An Huy  
160 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03A - DN  
(Ban hành theo QĐ số  
48/2006/QĐ - BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 11/2010

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
SH	NT		Nợ	Có	
		<b>Cộng chuyển trang</b>			<b>1.638.521.569</b>
		.....			
PKT	30/11	Thuế GTGT phải nộp T11/2010	3331	133	42.256.519
		.....			
		<b>Cộng chuyển trang</b>			<b>2.896.548.233</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích sổ Nhật ký chung tháng 11/2010)

CÔNG TY CP DV TM & VT AN HUY

160 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S38 - DN

(Ban hành theo QĐ số

48/2006/QĐ - BTC ngày

14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tên tài khoản : Thuế GTGT phải nộp

Số hiệu TK : 3331

Từ 01/07/2010 đến 31/12/2010

Phát sinh lũy kế từ ngày 01/07/ đến 08/11/2010 : 0

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
30/11	PKT	30/11	Thuế GTGT phải nộp	133	42.256.519	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>42.256.519</b>	<b>42.256.519</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			<b><u>0</u></b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn : Phòng tài chính - kế toán )

#### 2.2.4. Kế toán giá vốn hàng bán

Tổ chức hạch toán giá vốn hàng bán :

Khi cung cấp dịch vụ, căn cứ vào các chứng từ gốc ( hoá đơn GTGT, các chứng từ khác...) kế toán vào sổ chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ( TK 154 ) được chi tiết từng khoản mục chi phí. Cuối kỳ, số liệu được kết chuyển vào TK 632. Cụ thể TK 154 được chi tiết theo khoản mục chi phí như sau :

- \_ Lương lái xe
- \_ Xăng phục vụ kinh doanh
- \_ Khấu hao TSCĐ hữu hình
- \_ Chi phí vật tư sửa chữa
- \_ Chi phí bảo hiểm lao động
- \_ Chi phí bến bãi, điếm đỗ
- \_ Chi phí bảo hiểm tài sản
- \_ Chi phí công cụ dụng cụ
- \_ Chi phí dịch vụ thuê ngoài
- \_ Phí và lệ phí giao thông

Sau mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, số liệu được tổng hợp lại và cuối kỳ kết chuyển sang tài khoản 632 : Giá vốn hàng bán.

Ví dụ : Ngày 16/11/2010 tạm ứng lương cho lái xe là 25.650.600 đồng.

Kế toán ghi : Nợ TK 141 : 25.650.600

Có TK 111 : 25.650.000

Kế toán viết phiếu chi chi tiền lương tạm ứng cho lái xe

**Cty CP DV TM VT An Huy**  
160 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

**Mẫu số : C31-BB**  
QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

## **PHIẾU CHI**

**Số : 20**

Ngày 16 tháng 11 năm 2010

**Nợ TK 141 : 25.650.600**

**Có TK 111 : 25.650.600**

**Người nhận tiền : Bùi Văn Vinh**

**Địa chỉ : Công ty CP dịch vụ thương mại và vận tải An Huy**

**Lý do chi : Tạm ứng tiền lương T11/2010**

**Số tiền : 25.650.600 đồng (Viết bằng chữ) : Hai mươi năm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn**

**Chứng từ kèm theo : 1 HĐ GTGT 063560      Chứng từ gốc**

Ngày 16 tháng 11 năm 2010

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nhận</b>	<b>Thủ quỹ</b>
( Ký, họ tên, đóng dấu )	( Ký, họ tên )	( Ký, họ tên )	( Ký, họ tên )	( Ký, họ tên )

Kế toán căn cứ vào phiếu chi tạm ứng tiền lương lái xe vào sổ chi tiết tài khoản 154

(Chi tiết lương lái xe )

Nợ TK 154 : 25.650.600

Có TK 141 : 25.650.600

Sau đó cuối kỳ, toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phát sinh trong kỳ sẽ được kết chuyển vào TK 632 căn cứ vào phiếu kế toán khác :

**Công ty CP DV TM & VT An Huy**

160 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

**Phiếu kế toán khác**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số CT: KCCPSX

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh	632	154	5.123.851.376
	<b>Tổng</b>			<b>5.123.851.376</b>

Viết bằng chữ: Hai trăm năm m-oi sáu triệu bốn trăm m-oi chín nghìn sáu trăm ba m-oi t- đồng chẵn.

Ng- ời lập  
(chữ ký, họ tên)

Kế toán tr- ờng  
(chữ ký, họ tên)

Giám đốc  
(chữ ký, họ tên)

Số liệu được chuyển vào Sổ Cái TK 632

Ví dụ khoản mục chi phí vật tư sửa chữa :

Ngày 01/11/2010 phát sinh nghiệp vụ sau : mua vật tư ( lốp ô tô ) theo hoá đơn số 098376.

<b>HOÁ ĐƠN</b>			Mẫu số: 01 GTKT - 3LL		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			MR/2010B		
Liên 2: Giao khách hàng			0098376		
<i>Ngày 01 tháng 11 năm 2010</i>					
Đơn vị bán hàng: Công ty <b>TNHH Sinh Phúc</b>					
Địa chỉ: Hải Phòng					
Số Tài khoản: .....					
Điện thoại:..... MS: 0101412433					
Họ tên người mua hàng: <b>Đỗ Văn Linh</b>					
Tên đơn vị: Công ty <b>CP DV TM &amp; VT AN HUY</b>					
Địa chỉ: 160 Tô Hiệu,Lê Chân,Hải Phòng					
Số Tài khoản: .....					
Hình thức thanh toán: ...TM..... MS: 0200608067					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3=1x2</b>
1	Lốp ô tô	Cái	3	5.880.000	17.640.000
Cộng tiền hàng					17.640.000
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT					1.764.000
Tổng cộng tiền thanh toán					19.404.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Mười chín triệu bốn trăm linh bốn nghìn đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng ( Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng ( Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị ( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					



Từ hoá đơn GTGT kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung, số liệu được ghi vào sổ chi tiết TK 154 ( Chi tiết vật tư sửa chữa )

Nợ TK 154 : 19.404.000

Có TK 152 : 19.404.000

Cuối kỳ, kế toán kết chuyển số liệu trên (đã được tổng hợp trong chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ) vào sổ Cái TK 632

## SỔ CÁI

TK 632 : Giá vốn hàng bán  
Từ 01/07/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính : VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			<b><u>0</u></b>
			<b>Số phát sinh</b>			
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	154	5.123.851.376	
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		5.123.851.376
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>5.123.851.376</b>	<b>5.123.851.376</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			<b><u>0</u></b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn : Phòng tài chính - kế toán )

### 2.2.5. Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Do công ty thuộc loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ nên chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh không nhiều, do vậy, tuy hạch toán theo quyết định 15/2006 nhưng công ty chỉ sử dụng tài khoản 642 để hạch toán cả hai loại chi phí này.

#### 2.2.5.1. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642 - " Chi phí quản lý doanh nghiệp " được chi tiết theo quy định :

Tài khoản 6421 : Chi phí nhân viên quản lý

Tài khoản 6422 : Chi phí vật liệu quản lý

Tài khoản 6423 : Chi phí đồ dùng văn phòng

Tài khoản 6424 : Chi phí khấu hao TSCĐ

Tài khoản 6425 : Thuế, phí và lệ phí

Tài khoản 6427 : Chi phí dịch vụ mua ngoài

Tài khoản 6428 : Chi phí bằng tiền khác

Ngoài ra theo yêu cầu quản trị của công ty, khoản chi phí này còn được chi tiết để tiện cho việc quản lý. Ví dụ :

Mã số 01 :

0101 Lương cán bộ nhân viên quản lý

0102 Chi phí đi công tác

0103 Khấu hao TSCĐ hữu hình

0104 Chi phí sử dụng điện thoại

0105 Chi phí tiếp khách, hội nghị

Mã số 02 :

0201 BHXH của cán bộ công nhân viên quản lý

0202 Mực in, máy photo

0203 Nhóm thiết bị máy móc văn phòng

0204 Phí kiểm đếm, kiểm định

0205 Chi phí sử dụng điện nước

0206 Chi phí quảng cáo, tiếp thị

Mã số 03 :

- 0301 Lương phụ cấp thôi việc
- 0302 Giấy bút, văn phòng phẩm khác
- 0303 Chi phí sửa chữa tài sản quản lý
- 0304 Chi phí tài liệu, sách báo

Mã số 04 :

- 0401 Thuế môn bài
- 0402 Chi phí nhà xưởng
- 0403 Chi phí tập huấn, đào tạo

Mã số 05 :

- 0501 Chi phí dịch vụ mua ngoài

Mã số 08 :

- 0801 Chi phí khác cho nhân viên
- 0802 Chi phí khác
- 0803 Chi phí công cụ dụng cụ khác

#### 2.2.5.2. Chứng từ sử dụng

Khi phát sinh các chi phí bán hàng hay chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán căn cứ vào những chứng từ liên quan như :

Phiếu chi

Bảng thanh toán tiền lương

Bảng khấu hao TSCĐ

Hoá đơn GTGT

Phiếu kế toán khác

Ví dụ : Chi phí nhân viên quản lý

Khi phát sinh chi phí, căn cứ vào bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương T12/2010 kế toán viết phiếu kế toán khác :

**Công ty CP DV TM & VT An Huy**

**160 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng**

**Phiếu kế toán khác**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số CT: TLT11

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Tính l- ong nhân viên phải trả tháng 11 năm 2010	6421	334	34.300.000
	Tổng			34.300.000

Viết bằng chữ: ba m- oi năm triệu hai trăm ngàn đồng chẵn./.

Ng- ời lập

Kế toán tr- ợng

Thủ tr- ợng

*chữ ký, họ tên)*

*(chữ ký, họ tên)*

*(chữ ký, họ tên)*

Tương tự với các chi phí quản lý khác.

Sau đó số liệu được chuyển vào sổ chi tiết tài khoản 6421

CÔNG TY CP DV TM & VT AN HUY  
160 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S38 - DN  
(Ban hành theo QĐ số  
48/2006/QĐ - BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

**TK 6421 : Chi phí nhân viên quản lý**

**Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 31/12/2010**

**Phát sinh lũy kế từ ngày 01/07 đến ngày 30/11 : 214.736.000**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số phát sinh</b>			
30/11	BL11	30/11	Tính lương nhân viên	334	34.300.000	
			.....			
30/11	PKT	30/11	K/c chi phí nhân viên quản lý	911		261.415.312
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>250.015.566</b>	<b>261.415.312</b>

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn : Phòng tài chính - kế toán )

Từ sổ chi tiết kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết TK 642

**CÔNG TY CP DV TM & VT AN HUY**  
160 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

**SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

**TK 642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Từ 01/07/2010 đến 31/12/2010**

*Đơn vị tính : VND*

TKCT	Tên cấp	PS lũy kế (01/07-30/11)		Phát sinh trong kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có
6421	Chi phí nhân viên quản lý	214.736.000		250.015.566	261.415.312
...	...	...		...	...
	<b>Tổng cộng</b>	<b>316.356.360</b>		<b>432.683.654</b>	<b>761.365.978</b>

**Người lập**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

*( Nguồn : Phòng tài chính - kế toán )*

Sau đó số liệu sẽ được vào Sổ Cái TK 642

**CÔNG TY CP DV TM & VT AN HUY**

**160 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng**

**Mẫu số S03B - DN**  
(Ban hành theo QĐ số  
48/2006/QĐ - BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Tên tài khoản : Chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Số hiệu TK : 642**

**Từ 01/07/2010 đến 31/12/2010**

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
31/12	BL T12	31/12	Lương nhân viên quản lý	334	34.300.000	
31/12	PKT	31/12	K/c chi phí quản lý DN	911		761.365.978
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>761.365.978</b>	<b>761.365.978</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			<b><u>0</u></b>

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn : Phòng tài chính - kế toán )



2.2.6. Kế toán hoạt động tài chính

2.2.6.1. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

\_Chi phí tài chính của Công ty chủ yếu là chi phí lãi vay. Hàng tháng căn cứ vào giấy báo Nợ của Ngân hàng hoặc phiếu chi do kế toán thanh toán lập, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung và Sổ Cái TK 635.

\_Chứng từ sử dụng : GBN, Phiếu chi.

Ví dụ : Ngày 24/11 Kế toán lập uỷ nhiệm chi số 11 để trả lãi TK 1083757 tại ngân hàng Vietbank. Sau khi mang đến và nộp tiền vào tài khoản, kế toán tại ngân hàng đưa giấy báo Nợ về cho kế toán tiến hành ghi sổ

**ỦY NHIỆM CHI**

Số : UNC 11

**CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN, THU, ĐIỆN** Lập ngày : 24/11/2010

Tên đơn vị nhận tiền : Ngân hàng Vietbank

Số tài khoản : 0356248

Tại ngân hàng : Vietbank Tỉnh, TP : Hải Phòng

Tên đơn vị trả tiền : Cty CP DV TM VT An Huy

Số tài khoản : 012000865

Tại ngân hàng : Vietbank Tỉnh, TP : Hải Phòng

**PHẦN DO NH GHI**

**TÀI KHOẢN NỢ**

**TÀI KHOẢN CÓ**

**SỐ TIỀN BẰNG SỐ**

**1.177.893**

Số tiền bằng chữ : *Một triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi ba đồng chẵn*

Nội dung thanh toán : Trả lãi TK 1083757

**Đơn vị trả tiền**  
Kế toán Chủ tài khoản

**Ngân hàng ACB**  
Ghi sổ ngày 24/11/2010  
Kế toán Trưởng phòng kế toán

**Ngân hàng Vietbank**  
Ghi sổ ngày 24/11/2010  
Kế toán Trưởng phòng kế toán

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIETBANK  
VIETBANK COMERCIAL BANK**

**SỔ PHỤ VND**

Ngày :24/11/2010

Số 11

Tài khoản : 012000865

CTY CP DV TM & VT AN HUY

<b>DIỄN GIẢI</b>	<b>Số dư đầu ngày</b>	<b>GHI NỢ</b>	<b>GHI CÓ</b>
			<b>68.915.250</b>
<b>## Trả lãi TK 1083757##</b>	<b>Tổng phát sinh ngày</b>	<b>1.177.893</b>	<b>0</b>
	<b>Số dư cuối ngày</b>		<b>67.737.357</b>

**SỔ PHỤ**

**KIỂM SOÁT**

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIETBANK  
VIETBANK COMMERCIAL BANK**

MÃ GDV : BATCH

**GIẤY BÁO NỢ**

Ngày 24/11/2010

Kính gửi : CTY CP DV TM & VT AN HUY

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của khách hàng với nội dung sau :

Số tài khoản ghi NỢ : **012000865**

Số tiền bằng số : **1.177.893**

Số tiền bằng chữ : Một triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi ba đồng chẵn.

Nội dung : ## Trả lãi TK 1083757 ##

**GIAO DỊCH VIÊN**

**KIỂM SOÁT**

Từ giấy báo Nợ kế toán kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký Chung, sau đó vào Sổ Cái TK 635.

Cty CP DV TM VT An Huy  
160 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03A - DN  
(Ban hành theo QĐ số  
48/2006/QĐ - BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 11/2010

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
SH	NT		Nợ	Có	
		<b>Cộng chuyển trang</b>			<b>1.638.521.569</b>
		.....			
GBN 11	24/11	Trả lãi TK 1083757 tháng 11/2010	635	112	1.177.893
		.....			
		<b>Cộng chuyển trang</b>			<b>2.896.548.233</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích sổ Nhật ký chung tháng 11/2010)

Từ nhật ký chung vào các Sổ cái có liên quan :

CÔNG TY CP DV TM & VT AN HUY  
160 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03B - DN  
(Ban hành theo QĐ số  
48/2006/QĐ - BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

Tên tài khoản : Chi phí tài chính

Số hiệu TK : 635

Từ 01/07/2010 đến 31/12/2010

Luỹ kế từ ngày 01/07/2010 đến ngày 23/11/2010 : 202.548.754

Đơn vị tính : VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
24/11	GBN11	24/11	Trả lãi TK 1083757	112	1.177.893	
			.....			
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		398.652.353
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>298.652.353</b>	<b>298.652.353</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			<b><u>0</u></b>

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn : Phòng tài chính - kế toán )

#### 2.2.6.2.Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Trong kỳ không phát sinh doanh thu hoạt động tài chính nên em không đề cập đến hoạt động này.

#### 2.2.7.Kế toán hoạt động khác

##### 2.2.7.1.Kế toán chi phí khác

\_Tại Công ty,kế toán sử dụng tài khoản 811 " Chi phí khác " để hạch toán chi phí khác trong doanh nghiệp.

\_Chứng từ sử dụng : Biên bản thanh lý TSCĐ,các giấy tờ liên quan đến tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế ...

Ví dụ : Ngày 29/11/2010 Công ty tiến hành thanh lý cần cầu trục.Căn cứ vào biên bản thanh lý,kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung,sau đó được ghi vào sổ Cái TK 811.

**CÔNG TY CP DV TM & VT AN HUY**  
160 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

**Mẫu số 02 - TSCĐ**  
(Ban hành theo QĐ số  
48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006  
của Bộ trưởng BTC)

## **BIÊN BẢN THANH LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Ngày 29 tháng 11 năm 2010

Số : ..15.....

Nợ : ..214....

Nợ : ..811...

Có : ..111....

Căn cứ quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC về việc thanh lý TSCĐ.

### **I. Ban thanh lý TSCĐ gồm :**

\_ Ông/Bà : Đỗ Văn Quân Chức vụ : Chủ tịch HĐQT Trưởng ban thanh lý

\_ Ông/Bà : Hoàng Hải Yến Chức vụ : Kế toán Ủy viên

\_ Ông/Bà : Nguyễn Văn Hải Chức vụ : Trưởng phòng Ủy viên

### **II. Tiến hành thanh lý TSCĐ :**

\_ Tên, ký hiệu, quy cách TSCĐ : Cản cầu trục

\_ Số hiệu TSCĐ : 06 Nước sản xuất : Nhật Bản

\_ Năm sản xuất : 2004 Năm đưa vào sử dụng : 02/2005

\_ Nguyên giá TSCĐ : 300.000.000 đồng

\_ Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý : 245.833.333 đồng

\_ Giá trị còn lại của TSCĐ : 54.166.667 đồng

### **III. Kết luận của ban thanh lý TSCĐ :**

Đồng ý tiến hành thanh lý TSCĐ

Ngày 29 tháng 11 năm 2010

**Trưởng ban thanh lý**

**(Ký, họ tên)**

### **IV. Kết quả thanh lý**

\_ Giá trị thu hồi : 60.250.000 (viết bằng chữ) **Sáu mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng chẵn.**

Ngày 29 tháng 11 năm 2010

**Giám đốc**

**(Ký, họ tên, đóng dấu)**

**Kế toán trưởng**

**(Ký, họ tên)**

**CÔNG TY CP DV TM & VT AN HUY**  
 160 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

**Mẫu số S03B - DN**  
 (Ban hành theo QĐ số  
 48/2006/QĐ - BTC ngày  
 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Số hiệu TK : 811

Tên tài khoản : Chi phí khác

Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 31/12/2010

*Luỹ kế từ 01/07/2010 đến ngày 28/11/2010 : 0*

*Đơn vị tính : VND*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số phát sinh</b>			
29/11	PKT	29/11	Giá trị còn lại cần cầu trực	211	54.166.667	
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911		54.166.667
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>54.166.667</b>	<b>54.166.667</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			<b><u>0</u></b>

**Người lập biểu**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

*( Nguồn : Phòng tài chính - kế toán )*

### 2.2.7.2. Kế toán thu nhập khác

\_ Tại Công ty, kế toán sử dụng tài khoản 711 để hạch toán các khoản thu nhập khác tại doanh nghiệp. Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động bán hàng thường phát sinh bao gồm :

+ Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;  
+ Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp...

\_ Chứng từ sử dụng : Hoá đơn GTGT, Phiếu thu...

Ví dụ : Dựa vào ví dụ về thanh lý cần cầu trục tại mục 2.2.7.1. Căn cứ vào HĐ GTGT, kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung và Sổ Cái có liên quan.



<b>HOÁ ĐƠN</b>			Mẫu số: 01 GTKT - 3LL		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			KX/2010B		
Liên 3 : Lưu nội bộ			0088244		
Ngày 29 tháng 11 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: Công ty CP DV TM & VT AN HUY					
Địa chỉ: 160 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng					
Số Tài khoản: .....					
Điện thoại:..... MS: 0200608067					
Họ tên người mua hàng: Đỗ Hoàng					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Hà Anh					
Địa chỉ: Hải Phòng					
Số Tài khoản: .....					
Hình thức thanh toán: ...TM..... MS: 0200132568					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cần cầu Trục	Cái	1	60.250.000	60.250.000
Cộng tiền hàng					60.250.000
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT					6.025.000
Tổng cộng tiền thanh toán					66.275.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Sáu mươi sáu triệu hai trăm bảy năm mươi nghìn đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng ( Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng ( Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị ( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

CÔNG TY CP DV TM & VT AN HUY  
160 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03B - DN  
(Ban hành theo QĐ số  
48/2006/QĐ - BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Số hiệu : TK 711

Tên tài khoản : Thu nhập khác

Từ 01/07/2010 đến ngày 31/12/2010

Luỹ kế từ ngày 01/07/2010 đến ngày 28/11/2010 : 0

Đơn vị tính : VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			.....			
29/11	PT05	29/11	Thu tiền bán cần cầu trục	111		60.250.000
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	911	60.250.000	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>60.250.000</b>	<b>60.250.000</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			<b><u>0</u></b>

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn : Phòng tài chính - kế toán )

2.2.7.3. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tại Công ty kế toán sử dụng tài khoản 821 - " Chi phí thuế TNDN" để hạch toán chi phí thuế TNDN

Căn cứ vào số liệu đã được tổng hợp xác định kết quả kinh doanh, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển sau để xác định thuế TNDN phải nộp trong kỳ :

Nợ TK 8211 : 103.826.142

Có TK 3334 : 103.826.142

Nợ TK 911 : 103.826.142

Có TK 8211 : 103.826.142

CÔNG TY CP DV TM & VT AN HUY

160 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S38 - DN

(Ban hành theo QĐ số

48/2006/QĐ - BTC ngày

14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

Tên tài khoản : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu TK : 821

Từ 01/07/2010 đến 31/12/2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số phát sinh</b>			
31/12	PKT	31/12	Xác định số thuế TNDN phải nộp	3334	103.826.142	
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		103.826.142
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>103.826.142</b>	<b>103.826.142</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			<b><u>0</u></b>

Người lập  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn : Phòng tài chính - kế toán )

## 2.2.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

### 2.2.8.1. Tài khoản sử dụng

TK 911 " Xác định kết quả kinh doanh " được công ty sử dụng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (Gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động

kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- *Kết quả hoạt động tài chính* : Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- *Kết quả hoạt động khác* : Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tài khoản 911 được mở chi tiết thành :

+Tài khoản 9111 : Hoạt động sản xuất kinh doanh

+Tài khoản 9112 : Hoạt động tài chính

+Tài khoản 9113 : Hoạt động khác

Tài khoản 421 - " Lợi nhuận chưa phân phối "

Cuối kỳ kế toán, Kế toán công ty thực hiện các nghiệp vụ kết chuyển doanh thu bán hàng thuần, trị giá vốn hàng bán, doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác, kết chuyển chi phí hoạt động tài chính và các khoản chi phí khác, kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại, kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, tính và kết chuyển số lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động kinh doanh trong kỳ vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Việc xác định kết quả tiêu thụ của công ty được thực hiện 6 tháng/lần.

2.2.8.2. Chứng từ sử dụng

Căn cứ vào phiếu kế toán.

Kế toán căn cứ vào số liệu đã được tổng hợp ở các sổ để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ bằng bút toán kết chuyển sau :

\_Kết chuyển doanh thu thuần :

Nợ TK 5113 : 6.593.090.942

Có TK 911 : 6.593.090.942

\_Kết chuyển giá vốn hàng bán :

Nợ TK 911 : 5.123.851.376

Có TK 632 : 5.123.851.376

\_Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 911: 761.365.978

Có TK 642 : 761.365.978

Kết quả tiêu thụ dịch vụ = Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Chi phí QLDN

= 6.593.090.942 - 5.123.851.376 - 761.365.978

= 707.873.588

\_Đồng thời kế toán kết chuyển kết quả cung cấp dịch vụ

Nợ TK 911 : 707.873.588

Có TK 421 : 707.873.588

\_Kết chuyển chi phí tài chính :

Nợ TK 911 : 298.652.353

Có TK 635 : 298.652.353

\_Kết chuyển chi phí khác :

Nợ TK 911 : 54.166.667

Có TK 811 : 54.166.667

\_Kết chuyển thu nhập khác :

Nợ TK 711 : 60.250.000

Có TK 911 : 60.250.000

Căn cứ vào các phiếu kế toán kết chuyển như phiếu kế toán kết chuyển doanh thu. Kế toán lấy đó làm căn cứ để ghi vào các sổ chi tiết, sổ cái TK 911,421.

**Công ty CP DV TM & VT An Huy**

**Phiếu kế toán khác**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số CT:KCDT

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ	5113	911	6.593.090.942
	<b>Tổng</b>			<b>6.593.090.942</b>

Viết bằng chữ: Sáu tỷ năm trăm chín m-oi ba triệu không trăm chín m-oi ngàn chín trăm bốn m-oi hai đồng chẵn./.

Ng-ời lập  
(chữ ký,họ tên)

Kế toán tr-ởng  
(chữ ký,họ tên)

Giám đốc  
(chữ ký,họ tên,đóng dấu)

Sau đó số liệu được chuyển vào sổ chi tiết TK 9111

**CÔNG TY CP DV TM & VT AN HUY**  
 160 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

**Mẫu số S38 - DN**  
 (Ban hành theo QĐ số  
 48/2006/QĐ - BTC ngày  
 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

**TK 9111 : Hoạt động sản xuất kinh doanh**

**Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 31/12/2010**

*Đơn vị tính : VND*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			<b><u>0</u></b>
			<b>Số phát sinh</b>			
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển doanh thu	5113		6.593.090.942
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	5.123.851.376	
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý DN	642	761.365.978	
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển lãi	421	707.873.588	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>6.593.090.942</b>	<b>6.593.090.942</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			<b><u>0</u></b>

**Người lập**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

*( Nguồn : Phòng tài chính - kế toán )*

CÔNG TY CP DV TM & VT AN HUY  
160 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S38 - DN  
(Ban hành theo QĐ số  
48/2006/QĐ - BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

TK 9112 : Hoạt động tài chính

Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính : VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			<u>0</u>
			Số phát sinh			
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	298.652.353	
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển lỗ	421		298.652.3532
			Cộng phát sinh		<b>298.652.3533</b>	<b>298.652.353</b>
			Số dư cuối năm			<u>0</u>

Người lập  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn : Phòng tài chính - kế toán )



CÔNG TY CP DV TM & VT AN HUY  
160 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S38 - DN  
(Ban hành theo QĐ số  
48/2006/QĐ - BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

TK 9113 : Hoạt động khác

Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính : VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			<u>0</u>
			Số phát sinh			
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển thu nhập khác			60.250.000
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển chi phí khác	635	54.166.667	
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển lãi	421	6.083.333	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>60.250.000</b>	<b>60.250.000</b>
			Số dư cuối năm			<u>0</u>

Người lập  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn : Phòng tài chính - kế toán )

Từ sổ chi tiết, kế toán vào sổ tổng hợp chi tiết

CÔNG TY CP DV TM & VT AN HUY  
160 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

**SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tài khoản 911 : Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày 01/07/2010 đến 31/12/2010

Tài khoản chứng từ	Tên cấp	Phát sinh trong kỳ	
		Nợ	Có
9111	Hoạt động sản xuất, kinh doanh	6.593.090.942	6.593.090.942
9112	Hoạt động tài chính	298.652.353	298.652.353
9113	Hoạt động khác	60.250.000	60.250.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>6.951.993.295</b>	<b>6.951.993.295</b>

( Nguồn : Phòng tài chính - kế toán )

CÔNG TY CP DV TM & VT AN HUY  
160 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S38 - DN  
(Ban hành theo QĐ số  
48/2006/QĐ - BTC ngày  
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

Tên tài khoản : Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu TK : 911

Từ 01/07/2010 đến 31/12/2010

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			<b><u>0</u></b>
31/12	PKT	31/12	Doanh thu cung cấp dịch vụ	5113		6.593.090.942
31/12	PKT	31/12	Thu nhập khác	711		60.250.000
31/12	PKT	31/12	Giá vốn hàng bán	632	5.123.851.376	
31/12	PKT	31/12	Chi phí tài chính	635	298.652.353	
31/12	PKT	31/12	Chi phí khác	811	54.166.667	
31/12	PKT	31/12	Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	761.365.978	
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	103.826.142	
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển lãi	421	311.478.426	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>6.653.340.942</b>	<b>6.653.340.942</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			<b><u>0</u></b>

Người lập  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

( Nguồn : Phòng tài chính - kế toán )

CÔNG TY CP DV TM & VT AN HUY

160 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số B02 - DN

(Ban hành theo QĐ số

48/2006/QĐ - BTC ngày

14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu BH và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	6.593.090.942	6.704.458.666
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần (10=01-02)	10		6.593.090.942	6.740.458.666
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	5.123.851.376	5.423.586.051
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.469.239.566	1.316.872.615
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26		
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.28	298.652.353	247.653.688
- Trong đó: Chi phí lãi vay:	22		298.652.353	247.653.688
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		761.365.978	586.845.630
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD (30=20+(21-22)-(24+25))	30		409.221.235	482.373.297
11. Thu nhập khác	31		60.250.000	-
12. Chi phí khác	32		54.166.667	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		6.083.333	-
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		415.304.568	482.373.297
15. Thuế thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	103.826.142	120.593.324
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		-
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		311.478.426	361.779.973
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày 03 tháng 01 năm 2011  
Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

## CHƯƠNG III

### MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI AN HUY

#### *3.1. Sự cần thiết và nguyên tắc hoàn thiện hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại dịch vụ và vận tải An Huy*

Trong tình trạng hiện nay, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp đang diễn ra rất gay gắt. Muốn tồn tại và phát triển trong điều kiện như vậy đòi bộ máy kế toán phải đáp ứng được các nhu cầu, điều kiện cụ thể của các doanh nghiệp. Nói cách khác, sự thành bại trong kinh doanh của các doanh nghiệp phụ thuộc rất lớn vào công tác kế toán. Công việc kế toán có hầu hết ở các hoạt động kinh tế tài chính diễn ra tại doanh nghiệp. Về thực chất hạch toán kế toán nghiên cứu tài sản trong mối quan hệ với nguồn hình thành và quá trình vận động của tài sản trong các tổ chức, doanh nghiệp; nhưng nó khác các loại hạch toán khác là thực hiện chức năng hạch toán toàn diện và liên tục. Thông qua việc kiểm tra, tính toán, ghi chép, phân loại, tổng hợp, lưu trữ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bằng hệ thống phương pháp khoa học của kế toán: Chứng từ, cân đối tài khoản, tính giá và tổng hợp cân đối. Các phương pháp này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, được sử dụng một cách tổng hợp và đồng bộ. Thông qua việc kết hợp các phương pháp này, kế toán có thể cung cấp những thông tin về sự vận động của vốn trước, trong và sau quá trình kinh doanh của doanh nghiệp một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời để có những quyết định kinh doanh phù hợp nhất. Ngoài ra các báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm (nhà nước, chủ đầu tư, nhà quản lý cấp cao, cán bộ công nhân viên,...) về tình hình tài chính, triển vọng kinh doanh của doanh nghiệp để có những quyết định hợp lý như hỗ trợ, đầu tư đúng đắn trong từng thời kỳ. Với tầm quan trọng như vậy, việc hoàn thiện và liên tục cập nhật, đổi mới công tác kế toán là hết sức cần thiết, sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong thời kỳ hiện nay là bài toán khá nan giải.

Trong hoạt động hạch toán kế toán nói chung, phần hành hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành rất quan trọng nói chung, đặc biệt là trong hoạt động kinh doanh dịch vụ nói riêng. Từ đặc điểm của hoạt động cung cấp dịch vụ cho thấy, quá trình cung cấp dịch vụ cũng là quá trình tiêu thụ dịch vụ đó, sản phẩm của quá trình này không có hình thái vật chất vì vậy việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh càng cần phải chú trọng. Đây là khâu cuối cùng trong quá trình luân chuyển vốn của doanh nghiệp để chuyển sang hình thái tiền tệ, thể hiện được kết quả và khả năng kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

Hoàn thiện kế hoạch này là một vấn đề thực sự cần thiết trong tất cả các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ vì :

\_ Khi quá trình và hạch toán tiêu thụ được hoàn thiện điều đó có nghĩa là việc sử dụng hệ thống tài khoản sẽ tạo điều kiện rất thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát công tác kế toán toàn công ty. Việc hạch toán doanh thu chi phí xác định kết quả tiêu thụ đúng đắn sẽ phản ánh được toàn bộ hoạt động kinh doanh của công ty, điều đó cho thấy bộ máy kế toán đã cung cấp thông tin, số liệu kế toán chính xác cho nhà quản lý trong doanh nghiệp trong việc ra quyết định cũng như các cơ quan nhà nước trong việc giám sát quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.

\_ Hoàn thiện quá trình này giúp cho việc hoàn thiện sổ sách của doanh nghiệp. Ngoài hệ thống sổ sách theo quy định, doanh nghiệp cần bổ sung những sổ sách chi tiết cần thiết nhằm cung cấp thông tin một cách chính xác cụ thể nhất tạo điều kiện cho các nhà quản lý hoạch định chiến lược kinh doanh hợp lý cũng như thông tin bổ ích cho các đối tượng quan tâm. Việc ghi chép theo tháng, quý tạo điều kiện tạo điều kiện cho công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu, xác định chính xác tình hình thanh toán công nợ, thời điểm ghi nhận doanh thu và một số đặc điểm riêng khác của hoạt động kinh doanh dịch vụ, kết cấu sổ gọn nhẹ, giảm bớt khối lượng công việc ghi chép mà vẫn đảm bảo cung cấp đầy đủ các thông tin kinh tế tài chính cho mọi đối tượng quan tâm.

\_ Để công tác tổ chức hạch toán kế toán hoàn thiện hơn, phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty, đảm bảo đúng chế độ kế toán Việt Nam thì công tác tổ chức hạch toán kế toán cần phải hoàn thiện hơn nữa. Mục tiêu hoàn thiện công tác hạch toán doanh

thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là biện pháp mang tính khả thi, đòi hỏi một khoản chi phí thấp, hợp lý. Vì vậy, quan điểm cơ bản của việc hoàn thiện là phải dựa vào nguồn nhân lực, vật lực hiện có cũng như dựa vào bộ máy quản lý phù hợp với quy mô của công ty. Xuất phát từ mục tiêu và quan điểm như trên, để hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại dịch vụ và vận tải An Huy cần phải đáp ứng yêu cầu sau :

+ Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tuân thủ chế độ kế toán, chính sách về quản lý tài chính của nhà nước trong việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả...

+ Hoàn thiện công tác kế toán trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh cũng như đặc điểm tổ chức kinh doanh của công ty nhằm mang lại hiệu quả cao nhất. Hạch toán phải tôn trọng nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung, theo pháp lệnh kế toán cũng như Luật kế toán mới ban hành và chuẩn mực kế toán được thừa nhận ở Việt Nam.

+ Hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải được đặt trong mối quan hệ giữa chi phí và lợi ích đạt được, phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của công ty hoạt động đều và có hiệu quả vì mục đích cuối cùng là nâng cao hiệu quả công tác, đồng thời nâng cao lợi nhuận của công ty.

+ Hoàn thiện công tác hạch toán phải hướng tới hiện đại hoá, chuyên môn hoá và đảm bảo chính xác, kịp thời và cần thiết của các thông tin kế toán cho việc ra quyết định.

### ***3.2. Đánh giá thực trạng hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại dịch vụ và vận tải An Huy***

Kể từ khi thành lập Công ty đã trưởng thành và lớn mạnh không ngừng về mọi mặt trong quản lý sản xuất nói chung và trong công tác kế toán nói riêng. Cùng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể nhân viên trong công ty, tập thể phòng kế toán không ngừng nâng cao trình độ nghiệp vụ của mình trở thành công cụ đắc lực trong công tác kế toán của Công ty.

Trong nền kinh tế thị trường đầy thử thách, khó khăn buộc công ty phải tự mình kinh doanh có lãi, phải tự chủ về tài chính. Lãnh đạo công ty đã đưa ra nhiều giải pháp kinh tế có hiệu quả nhằm khắc phục mọi khó khăn của công ty để phù hợp với cơ chế thị trường. Kế toán của công ty đã phản ánh chặt chẽ, toàn diện về tài sản, nguồn vốn của công ty, cung cấp thông tin một cách chính xác và kịp thời phục vụ tốt cho công tác quản lý, phân tích, lập kế hoạch và công tác lãnh đạo.

### ***3.2.1. Các kết quả đạt được***

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở Công ty được dựa trên căn cứ khoa học, dựa trên đặc điểm, tình hình thực tế của Công ty và vận dụng sáng tạo chế độ kế toán hiện hành. Công ty đã tiến hành quản lý và đánh giá doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chính xác, theo dõi quá trình thanh toán của từng khách hàng tập hợp đầy đủ các khoản chi phí nhờ đó mà xác định được kết quả kinh doanh 6 tháng / lần.

#### ***\*) Về hình thức kế toán áp dụng***

Hiện tại công ty tiến hành đăng ký và ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, hình thức này cơ ưu điểm là mẫu sổ đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra, đối chiếu, thuận tiện cho việc phân công công việc trong phòng kế toán.

#### ***\*) Về công tác tổ chức hạch toán ban đầu***

Công ty sử dụng đúng mẫu chứng từ ban đầu theo quy định phù hợp với nghiệp vụ bán hàng phát sinh, phản ánh đầy đủ nội dung và tính trung thực của nghiệp vụ phát sinh. Kế toán thực hiện tốt việc kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp, đảm bảo tính chính xác cao. Điều này đã tạo thuận lợi cho công tác kế toán khi cần dùng số liệu để so sánh, đối chiếu...

#### ***\*) Về tài khoản sử dụng***

Việc sử dụng Tài khoản kế toán được thực hiện theo hệ thống Tài khoản ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính đảm bảo việc cập nhật những quy định mới nhất về Tài khoản kế toán.

\* *Tổ chức luân chuyển chứng từ:* Chứng từ sử dụng được luân chuyển đúng quy định và có sự quy định trách nhiệm rõ ràng.



\*) *Công tác đào tạo kế toán* được chú trọng. Hiện nay công ty không ngừng tạo điều kiện cho các nhân viên đi học thêm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

### **3.2.2. Các tồn tại, hạn chế**

\* *Tổ chức luân chuyển chứng từ*: Tại phòng kế toán văn phòng, mọi chứng từ tập hợp về lại chưa có công tác phân loại (theo từng nội dung). Bộ chứng từ cho nghiệp vụ bán hàng phát sinh được kế toán bán hàng lưu chung thành một tập gồm: Hoá đơn bán hàng (HĐGTGT), phiếu thu, phiếu chi .... Như vậy, khi muốn đối chiếu số liệu sẽ gây khó khăn và tốn thời gian đặc biệt khi sử dụng chứng từ gốc làm căn cứ để ghi các sổ liên quan, lập chứng từ ghi sổ hoặc khi cơ quan chức năng (Thuế) đến kiểm tra.

\* *Việc xác định giá vốn hàng bán* : được tính cho từng khoảng thời gian nên kế toán không phân bổ chi phí kinh doanh cho từng lần cung cấp dịch vụ mà kết chuyển hết vào cuối kỳ để xác định kết quả. Thực tế tổng lợi nhuận kinh doanh cuối cùng không thay đổi nhưng sẽ gây sự không chính xác về giá vốn, doanh thu, chi phí, lợi nhuận của từng mặt hàng, ảnh hưởng đến thông tin cung cấp cho lãnh đạo khi họ muốn biết cụ thể về lần cung cấp dịch vụ đó lỗ, lãi như thế nào.

\* *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho* : Việc hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên chưa thực sự phù hợp với lĩnh vực kinh doanh của công ty. Thực tế việc vật tư, hàng hoá của công ty không nhiều, tình hình biến động ít nên việc hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên làm cho khối lượng công việc vất vả hơn.

\* *Về tài khoản sử dụng* : Việc hạch toán chi phí bán hàng vào chi phí quản lý doanh nghiệp là sai với chế độ chuẩn mực kế toán hiện hành tuy chi phí bán hàng chiếm tỉ trọng nhỏ, ít có hoạt động liên quan đến chi phí bán hàng.

\* *Về chi phí tài chính* : Chi phí tài chính của công ty quá cao vì thế các rủi ro luôn thường trực trong kinh doanh, mặc dù lợi nhuận thừa sức để trang trải chi phí lãi vay và rủi ro, tuy nhiên nếu công ty quản lý tốt sẽ làm cho lợi nhuận tăng lên và rủi ro giảm xuống.

### **3.2.3. Nguyên nhân tồn tại**

\_Trong những năm qua thực tế và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho thấy khó khăn và thách thức đối với công ty là vừa phải tổ chức kinh doanh hướng tới lợi nhuận, vừa phải thực hiện trách nhiệm ổn định thị trường, tuy nhiên công ty đã thực hiện khá tốt trong việc này, trong khi môi trường điều kiện kinh doanh có khá nhiều yếu tố bất lợi : giá cả xăng dầu biến động mạnh mẽ không theo quy luật, thị trường trong nước phức tạp và cạnh tranh quyết liệt, chính sách điều hành thuế - giá và quản lý vĩ mô còn nhiều bất cập. Hệ thống văn bản pháp luật của nhà nước chưa thực sự đồng bộ, gây khó khăn cho việc cập nhật các văn bản, quy phạm pháp luật.

### **3.3. Một số kiến nghị, đề xuất để hoàn thiện công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương mại dịch vụ và vận tải An Huy**

Trong nền kinh tế thị trường với sự phát triển ngày càng đa dạng các loại hình kinh doanh và giữa các doanh nghiệp luôn có sự cạnh tranh gay gắt để tồn tại và phát triển. Mỗi một doanh nghiệp không chỉ muốn mình tồn tại được mà còn mong muốn cho doanh nghiệp mình có được chỗ đứng vững chắc trên thị trường trong sự phát triển không ngừng của xã hội. Bởi vậy, cũng như các doanh nghiệp khác Công ty CP DV TM & VT An Huy muốn duy trì hoạt động của mình thì điều kiện cần thiết là phải tự đứng vững trên thương trường, đẩy mạnh mối quan hệ, mở rộng thị trường, nhạy bén trước những biến động của thị trường và luôn cập nhật những thông tin để có được những thời cơ tốt nhất.

*\* Chứng từ, tài khoản sử dụng.*

Các chứng từ gốc khi được chuyển về văn phòng cần phải được phân loại, sắp xếp riêng theo từng nội dung để thuận tiện cho công tác theo dõi, đối chiếu số liệu để vào các hồ sơ, thẻ, bảng liên quan nhằm phân định rõ ràng chi phí kinh doanh cho từng lần cung cấp dịch vụ. Tuy hoạt động liên quan đến chi phí bán hàng ít xảy ra, song Công ty cần tách riêng khoản chi phí này ra khỏi chi phí quản lý doanh nghiệp.

*\* Áp dụng hình thức kế toán máy:* Công ty cần nhanh chóng trang bị phần mềm kế toán. Vì đây là một công cụ quan trọng giúp giảm bớt áp lực công việc, cung cấp thông tin nhanh chóng, chính xác trong việc ra quyết định quản lý. Khi áp dụng hình

thức kế toán máy, Công ty cần có chính sách đào tạo và đào tạo lại chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ nhân viên trong toàn Công ty nói chung và nhân viên trong phòng kế toán nói riêng cho phù hợp.

*\*) Mở rộng thị trường phục vụ*

Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, doanh nghiệp nào cũng phải xác định cho mình một chiến lược kinh doanh hợp lý với điều kiện của mình, trong đó chiến lược về thị trường mục tiêu đóng vai trò không nhỏ.

Thị trường là một yếu tố quyết định đến hiệu quả kinh doanh của công ty. Để nâng cao hiệu quả kinh doanh nói chung, hiệu quả tiêu thụ nói riêng Công ty cần có chiến lược mở rộng thị trường tiêu thụ một cách hợp lý.

Trước hết công ty cần phải phục vụ tốt các khách hàng thường xuyên và có những biện pháp để mở rộng thị trường phục vụ như :

+ Tăng cường các biện pháp quảng cáo, Marketing thể hiện được rõ chất lượng phục vụ và uy tín của công ty.

+ Tăng cường các chính sách khuyến mại, thực hiện chiết khấu thương mại cho những khách hàng lớn và thường xuyên của công ty.

*\*) Quản lý tốt chi phí hoạt động kinh doanh*

Chi phí là khoản bỏ ra để thực hiện doanh thu nhưng nó lại là các khoản chi phí của doanh nghiệp. Do đó, việc sử dụng tiết kiệm, hợp lý các khoản chi phí của doanh nghiệp sẽ có ảnh hưởng lớn tới hiệu quả kinh doanh của công ty. Tiết kiệm chi phí là giảm lượng tiêu hao vật chất trên một đơn vị sản phẩm, tăng khối lượng sản phẩm, dịch vụ sản xuất ra và giảm giá thành của hàng đã cung cấp. Với ý nghĩa đó, tiết kiệm chi phí đã và đang là mục tiêu phấn đấu của các công ty, các doanh nghiệp trong mọi thành phần kinh tế.

Một số biện pháp tiết kiệm các khoản chi phí kinh doanh :

+ Mua vật tư, phụ tùng cần thiết cho quá trình sửa chữa và làm mới xe ô tô phải mua ở những nguồn đáng tin cậy, đảm bảo, không mua hàng có nguồn gốc xuất xứ không rõ ràng, chất lượng không đảm bảo, chống lãng phí khi mua nguyên liệu, hạn chế mua hàng nhiều nguồn sẽ khó khăn trong việc quản lý giá cả và nguồn gốc vật tư.

Do đặc thù hoạt động kinh doanh của mình (kinh doanh dịch vụ) mà chi phí bán hàng

---

chiếm tỉ trọng nhỏ trong tổng chi phí, do đó giải pháp chủ yếu cần tập trung làm giảm chi phí quản lý doanh nghiệp. Đối với chi phí hội họp, tiếp khách Công ty cần có quy định cụ thể về số tiền được chi cho từng cuộc họp... Cần có những biện pháp giảm chi phí không cần thiết như : chi phí điện thoại, chi phí điện nước..tránh tình trạng sử dụng tràn lan. Ngoài ra, Công ty nên phổ biến những chính sách thực hiện tiết kiệm đến từng cán bộ công nhân viên, yêu cầu mọi người cùng phối hợp thực hiện. Cuối năm có những chính sách khen thưởng xử phạt đối với những cá nhân, bộ phận làm chưa tốt.

*\*) Quản lý tốt chi phí lãi vay :* Công ty cần tìm hiểu rõ chi phí tài chính cao do những nguyên nhân gì và tìm những biện pháp quản lý tốt chi phí lãi vay. So sánh các chỉ số tài chính cho phép doanh nghiệp xác định những yếu tố chi phí bất hợp lý so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành. Giảm thiểu được những chi phí này sẽ giúp doanh nghiệp tăng tính cạnh tranh. Công ty hoạt động kinh doanh dựa trên các hợp đồng, vì vậy nên cân nhắc việc thương lượng thời gian trả tiền và giá phải trả, giúp cải thiện dòng tiền mặt của doanh nghiệp, giúp giảm bớt tiền vay phải trả.

*\*) Mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh:*

Trong gần 6 năm hoạt động, Công ty đã có những thành tựu nhất định trong hoạt động kinh doanh vận tải hàng hoá. Do công việc đã ổn định và đi vào nề nếp, công ty nên đầu tư thêm hoạt động mà công ty đã đăng ký trong giấy phép kinh doanh.

## **KẾT LUẬN**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế theo cơ chế thị trường với sự quản lý của Nhà nước đòi hỏi các doanh nghiệp một mặt phải tự trang trải được các chi phí, mặt khác phải thu được lợi nhuận, đảm bảo sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Mục tiêu đó chỉ có thể đạt được trên cơ sở quản lý, hạch toán tốt doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty.

Làm tốt nghiệp vụ kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những phản ánh trung thực, khách quan, tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà còn giúp ích cho vấn đề quản trị doanh nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh của việc cung cấp dịch vụ trên thị trường, uy tín của doanh nghiệp ngày được nâng lên và bảo đảm.

Sau gần 2 tháng thực tập tại Công ty cổ phần dịch vụ thương mại và vận tải An Huy, quá trình tìm hiểu về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cho thấy Công ty đã phát huy nhiều mặt mạnh, đóng góp một phần nhất định vào thành công của Công ty. Bên cạnh đó không tránh khỏi những mặt còn hạn chế. Để khắc phục phần nào những điểm chưa hoàn thiện, em xin đưa ra một số ý kiến đóng góp với mục đích hoàn thiện thêm phần kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Ý kiến trên đây được dựa trên thực tế của Công ty và sự vận dụng đổi mới của chế độ kế toán, hy vọng rằng sẽ có tác dụng với công tác kế toán của Công ty.

Qua thời gian thực tập tại Công ty CP DV TM & VT An Huy, em đã thu hoạch được nhiều kiến thức thực tế rất bổ ích và quý báu. Mặt khác, em cũng nhận thấy giữa lý thuyết và thực tế có một khoảng cách nhất định. Vì vậy, đòi hỏi nhân viên kế toán không chỉ nắm vững lý thuyết mà còn phải biết trau dồi thực tế để vận dụng một cách khoa học lý luận vào thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả công tác kế toán.

Đối với em bài viết này là kết quả bước đầu nghiên cứu, tổng hợp giữa lý thuyết và thực tế. Vì vậy, không thể tránh khỏi những thiếu sót và sơ xuất. Do vậy, em rất mong nhận được những ý kiến bổ sung đóng góp của các thầy cô giáo, các cán bộ kế toán trong Công ty CP DV TM & VT An Huy để bài viết của em được đầy đủ và hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn chỉ bảo, góp ý tận tình của Tiến sĩ Nghiêm Thị Thà và tập thể cán bộ công nhân viên Công ty CP DVTM&VT An Huy, đặc biệt là các cô chú, anh chị phòng kế toán Công ty đã giúp đỡ em hoàn thành khoá luận này.

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm 2011

Sinh viên

Trần Thị Thu Trang